

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Nhung

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH TUẤN LOAN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Nhung

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Phạm Thị Kim Oanh

HẢI PHÒNG - 2017

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mã SV: 1312401084

Lớp: QT1701K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Phạm Thị Kim Oanh

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 6 tháng 10 năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 28 tháng 12 năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi trong quá trình viết khoá luận tốt nghiệp.
- Đảm bảo đúng yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu của đề tài.
- Chịu khó nghiên cứu lý luận và thực tiễn, thu thập tài liệu liên quan và đề xuất được các giải pháp để hoàn thiện đề tài.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Tác giả đã hệ thống hoá được lý luận cơ bản liên quan đến vấn đề nghiên cứu.
- Tác giả đã mô tả và phân tích được thực trạng của đối tượng nghiên cứu.
- Những giải pháp đề xuất gắn với thực tiễn, giúp hoàn thiện công tác kế toán tại đơn vị.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Điểm bằng số:

Điểm bằng chữ:

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
-----------------	---

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1 Doanh thu và thu nhập trong doanh nghiệp.....	4
1.1.2 Chi phí trong doanh nghiệp.....	6
1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	8
1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	8
1.3 Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	9
1.3.1 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán	13
1.3.3 Kế toán chi phí bán hàng	18
1.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	19
1.3.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính	21
1.3.6 Hạch toán hoạt động khác.....	25
1.3.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	28
1.4 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp	30
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	30
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	31
1.4.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	32
1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	33
1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính	34
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN	36
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Tuấn Loan.....	36
2.1.1 Tên, quy mô và địa chỉ	36
2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ	37
2.1.3 Ngành nghề kinh doanh.....	37
2.1.4 Đặc điểm hoạt động kinh doanh.....	38
2.1.5 Đặc điểm tổ chức quản lý	38
2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.....	40

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan.....	44
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	44
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán	52
2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	62
2.2.4 Kế toán hoạt động tài chính	68
2.2.5 Chi phí hoạt động tài chính.....	72
2.2.6 Kế toán hoạt động khác	75
2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	75
CHƯƠNG 3: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN.....	85
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan	85
3.1.1 Ưu điểm:	85
3.1.2 Nhược điểm:	86
3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan.....	87
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	87
3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan.....	88
3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan.....	88
KẾT LUẬN.....	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	94

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đối với tất cả các doanh nghiệp thì doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu. Đó là một giai đoạn không thể thiếu trong mỗi chu kỳ kinh doanh vì nó có tính quyết định đến sự thành hay bại của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh còn là thành quả lao động cuối cùng, là mục tiêu sống còn của doanh nghiệp, đồng thời tạo nguồn thu chủ yếu cho ngân sách Nhà nước và thúc đẩy xã hội phát triển. Vì vậy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò giúp cho nhà quản trị có cái nhìn đúng đắn về thực trạng doanh nghiệp mình. Từ đó đề ra các biện pháp và kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ những lý do trên cùng với những kiến thức được trang bị trên ghế nhà trường và qua một thời gian tìm hiểu tại công ty TNHH Tuấn Loan, em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan”*** cho bài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu

Vận dụng những lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vào thực tiễn kế toán tại công ty TNHH Tuấn Loan để tìm hiểu những mặt đã làm được và những hạn chế còn tồn tại. Qua đó đưa ra một số đề xuất để góp phần hoàn thiện hơn nữa về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài là toàn bộ chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty TNHH Tuấn Loan.

4. Phương pháp nghiên cứu

Khóa luận sử dụng chủ yếu là những phương pháp như:

- Phương pháp thống kê,
- Phương pháp thu thập liệt kê số liệu,
- Phương pháp phân tích,
- Phương pháp so sánh.

5. Kết cấu đề án

Nội dung của bài khóa luận ngoài phần mở đầu thì được trình bày trong 3 chương:

- **Chương 1:** Lý luận chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- **Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

- **Chương 3:** Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

Được sự giúp đỡ nhiệt tình của ThS. Phạm Thị Kim Oanh và các chị trong phòng kế toán công ty TNHH Tuấn Loan, nhưng với kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên bài luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý, nhận xét của các thầy cô giáo để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn, cũng là cơ hội để em học tập và trau dồi thêm kiến thức cho nghiệp vụ kế toán thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

a) Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước; thực hiện phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp với những thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

b) Đối với nhà đầu tư

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp từ đó sẽ đưa ra quyết định có nên đầu tư tiếp vào doanh nghiệp hay không.

c) Đối với Nhà nước

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa rất lớn đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.
- Đem lại nguồn thu cho ngân sách, đảm bảo nguồn vốn đầu tư của Nhà nước không thất thoát.

d) Đối với các tổ chức tài chính trung gian

Các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định có cho doanh nghiệp vay vốn hay không

e) Đối với nhà cung cấp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để các nhà cung cấp đưa ra quyết định cho việc thanh toán của doanh nghiệp: trả chậm hoặc trả góp.

1.1.1 Doanh thu và thu nhập trong doanh nghiệp*1.1.1.1 Doanh thu và thu nhập*

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. (Theo chuẩn mực số 14 doanh thu và thu nhập khác ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

Doanh thu tùy theo từng loại hình sản xuất kinh doanh.

➤ *Nếu xét theo loại hình sản xuất kinh doanh, doanh thu gồm:*

- + Doanh thu bán hàng
- + Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia

➤ *Nếu xét về thời điểm kết thúc tiêu thụ, doanh thu gồm:*

- + Doanh thu bán hàng thu tiền ngay
- + Doanh thu bán hàng trả chậm, trả góp

➤ *Các khoản giảm trừ doanh thu:*

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- Giá trị hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ và bị khách hàng từ chối thanh toán.

- Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

• Điều kiện ghi nhận doanh thu:

Đối với doanh thu bán hàng phải thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ phải thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.
- Xác định được phần chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.1.1.2 Nguyên tắc hạch toán doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch, các nghiệp vụ phát sinh trong doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hoá, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần

hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác nhận.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo quy định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

Doanh nghiệp khi ghi nhận doanh thu phải áp dụng những nguyên tắc này để đảm bảo những khoản doanh thu được ghi nhận đúng đắn và hợp lý được pháp luật bảo vệ.

1.1.2 Chi phí trong doanh nghiệp

1.1.2.1 Khái niệm chung về chi phí

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

1.1.2.2 Các loại chi phí

➤ Giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất (giá thành công xưởng) hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

• Chi phí tài chính:

Là toàn bộ những khoản chi phí mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính, chủ yếu bao gồm:

- Chi trả tiền lãi từ đi vay ngắn hạn, vay dài hạn
- Lỗ từ bán chứng khoán
- Lỗ từ hoạt động góp vốn liên doanh

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái
- Chi chiết khấu thanh toán cho người mua
- Tiền lãi do mua hàng theo hình thức trả chậm, trả góp

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

- *Chi phí bán hàng*: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí khác:**

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Đây là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót, bỏ quên từ năm trước.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi nhượng bán, thanh lý
- Chênh lệch giảm do đánh giá lại TSCĐ
- Chi do tài trợ, viện trợ, biếu tặng
- Số tiền doanh nghiệp bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.
- Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.
- Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN.

1.1.2.3 Nguyên tắc hạch toán chi phí

Các khoản chi phí được tập hợp để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ kế toán của doanh nghiệp bao gồm: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

Hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp cụ thể mà có thể mở thêm một số nội dung chi phí khác, nhằm giúp cho nhà quản trị có thể theo dõi và kiểm tra sự phát sinh chi phí.

1.1.3 Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

a) Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám sát chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng khoản doanh thu theo yêu cầu của đơn vị.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về số lượng và giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách Nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

b) Nhiệm vụ của kế toán chi phí:

- Căn cứ vào thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các Phương pháp hạch toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

- Ghi chép, phản ánh đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

c) *Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

- Cuối kỳ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.

- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.

- Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

1.3 Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.3.1 Kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng (hóa đơn GTGT)
- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao hàng hóa, thành phẩm
- Sổ chi tiết, sổ cái, ...
- Chứng từ tính thuế
- Phiếu thu tiền mặt
- Giấy báo có của ngân hàng

Tài khoản sử dụng

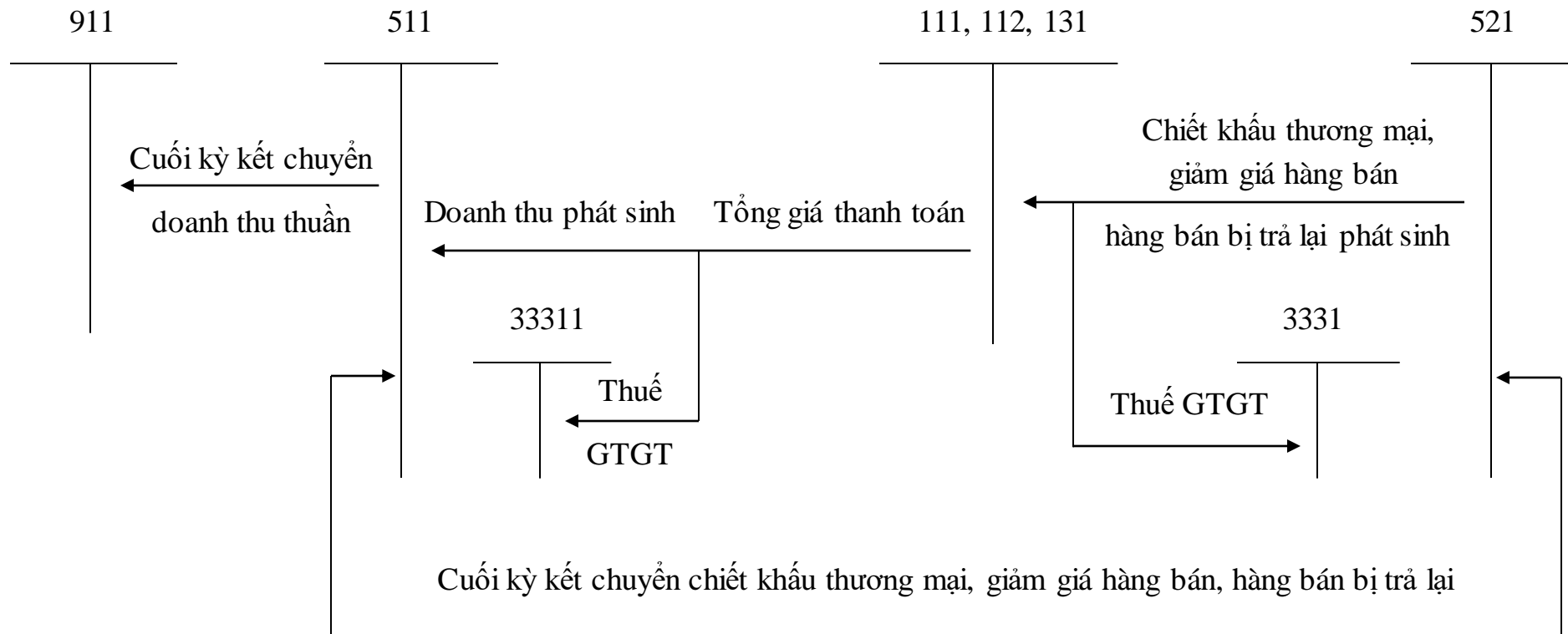
➤ TK511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK5118: Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

<i>Nợ</i>	<i>TK 511</i>	<i>Có</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và xác định là đã bán trong kỳ kế toán. - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, các khoản giảm giá hàng bán, các khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ. - Kết chuyển sang TK 911" Xác định kết quả kinh doanh". 	<p data-bbox="858 259 1150 472">- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh thu thực hiện trong kỳ kế toán.</p> <p data-bbox="858 539 1150 584"><u>TK 511 không có số dư cuối kỳ</u></p>	

Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương pháp khấu trừ



1.3.1.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

1. Chiết khấu thương mại: Là số tiền bên mua được hưởng do mua hàng với số lượng theo thỏa thuận
2. Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho bên mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất
3. Hàng bán bị trả lại: Là số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng
4. Các khoản thuế: VAT nộp theo phương pháp trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt.

Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

Tài khoản sử dụng:

TK521: Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

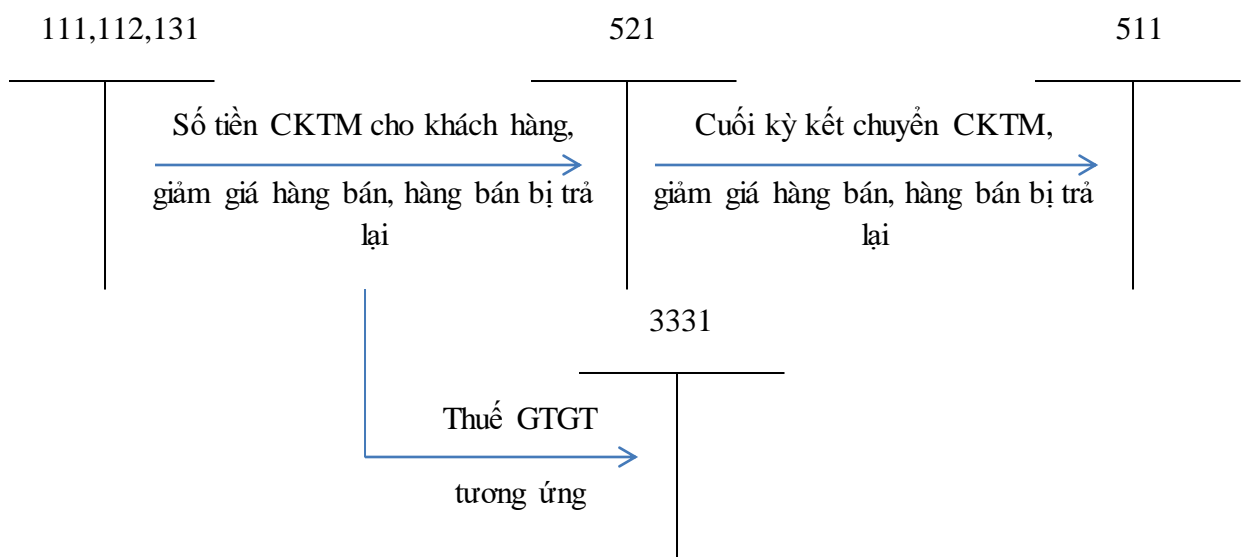
Tài khoản 521 có 3 tài khoản cấp 2

- TK 5211 - Chiết khấu thương mại
- TK 5212 - Hàng bán bị trả lại
- TK 5213 - Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521:

<i>Nợ</i>	<i>TK 521</i>	<i>Có</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng; - Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng; - Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán 	<p style="text-align: center;"><i>TK 521 không có số dư cuối kỳ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.3.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hóa là một trong những yếu tố mà các nhà đầu tư quan tâm trong quá trình kinh doanh vì vậy kế toán giá vốn hàng bán là rất cần thiết.

a) Khái niệm

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ. Trị giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ; các chi phí liên quan đến các hoạt động kinh doanh, đầu tư bất động sản như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho

thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Sau khi xác định được trị giá vốn của hàng xuất kho để bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán cần phải xác định kết quả để cung cấp thông tin trình bày báo cáo tài chính (báo cáo kết quả kinh doanh). Tùy thuộc vào loại hình doanh nghiệp và sự vận động của sản phẩm, hàng hóa mà kế toán xác định giá vốn của hàng đã bán:

b) Các phương pháp tính giá vốn hàng bán

Có 4 phương pháp tính trị giá hàng xuất kho:

➤ Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập trước hoặc sản xuất trước và thực hiện tuần tự cho đến khi chúng được xuất ra hết.

Phương pháp này có thể tính được ngay trị giá vốn hàng xuất kho từng lần xuất hàng, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời cho kế toán ghi chép các khâu tiếp theo. Trị giá vốn của hàng tồn kho tương đối sát với giá thị trường của mặt hàng.

Tuy nhiên, phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những khoản chi phí hiện tại bởi doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hóa đã có được từ cách đó rất lâu.

➤ Phương pháp giá thực tế đích danh

Theo phương pháp này, sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

➤ Phương pháp giá bán lẻ

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền

Theo phương pháp này giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Phương pháp bình quân có thể được tính theo

thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

• *Theo giá bình quân gia quyền cuối kỳ/tháng (giá bình quân cả kỳ dự trữ)*

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tuy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân:

$$\text{Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn ĐK} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

• *Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập (bình quân tức thời)*

Sau mỗi lần nhập sản phẩm, vật tư, hàng hóa, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Giá đơn vị bình quân được tính theo công thức sau:

$$\text{Đơn giá xuất kho lần thứ } i = \frac{\text{Giá trị tồn trước nhập} + \text{Giá trị nhập}}{\text{Số lượng tồn trước nhập} + \text{Số lượng nhập}}$$

c) *Chứng từ sử dụng*

- Chứng từ kế toán:

- + Phiếu nhập kho
- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý
- + Bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn
- + Bảng phân bổ giá vốn

- Sổ sách kế toán:

- + Sổ chi tiết tài khoản 632
- + Bảng tổng hợp chi tiết TK 632
- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ cái tài khoản 632

d) *Tài khoản sử dụng*

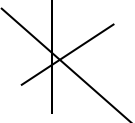
▪ **Theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp

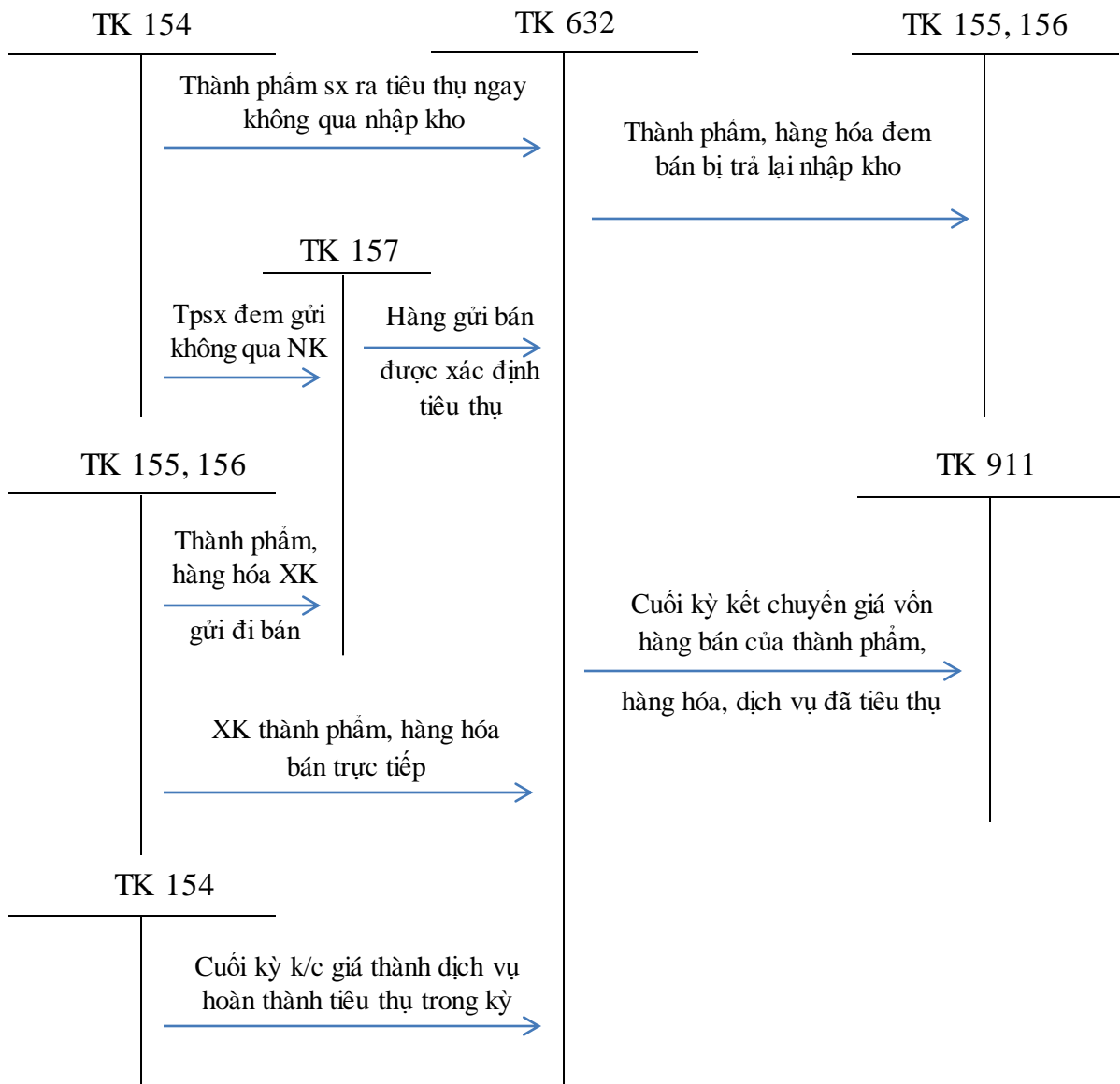
khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

• **Kết cấu nội dung tài khoản 632:**

<i>Nợ</i>	<i>TK 632</i>	<i>Có</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Tập hợp giá trị vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ - Các khoản khác được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết). 	<ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ - Kết chuyển giá vốn hàng hóa vào bên nợ tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh” - Kết chuyển giá vốn hàng gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước) <p style="text-align: center;"><u><i>TK 632 không có số dư cuối kỳ</i></u></p>	



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



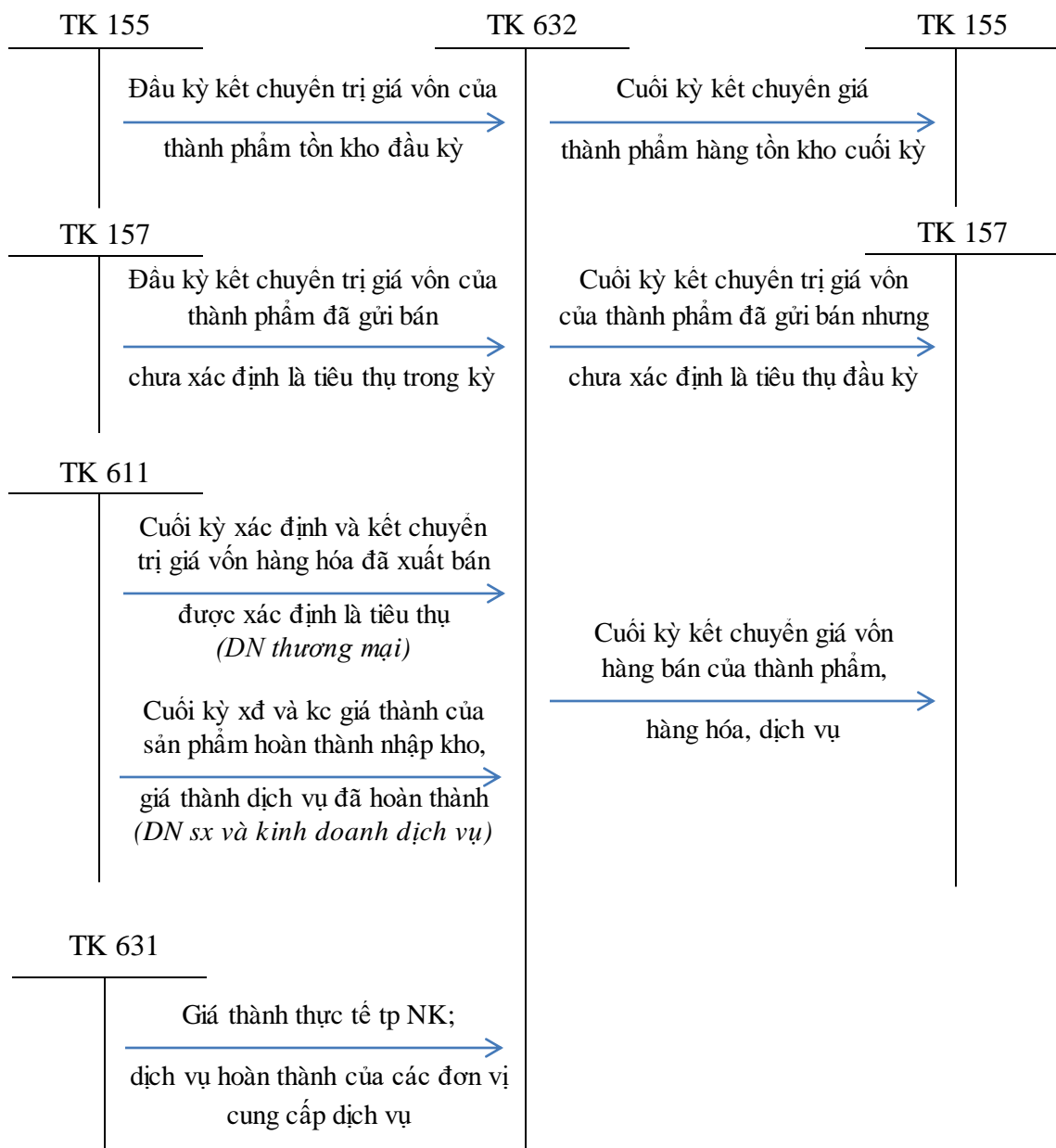
▪ **Theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

+ Tài khoản 611 “mua hàng”: Tài khoản này phản ánh vốn giá trị thực tế của hàng hóa tăng giảm trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 611: Tương tự như tài khoản 632

Phương pháp hạch toán: được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



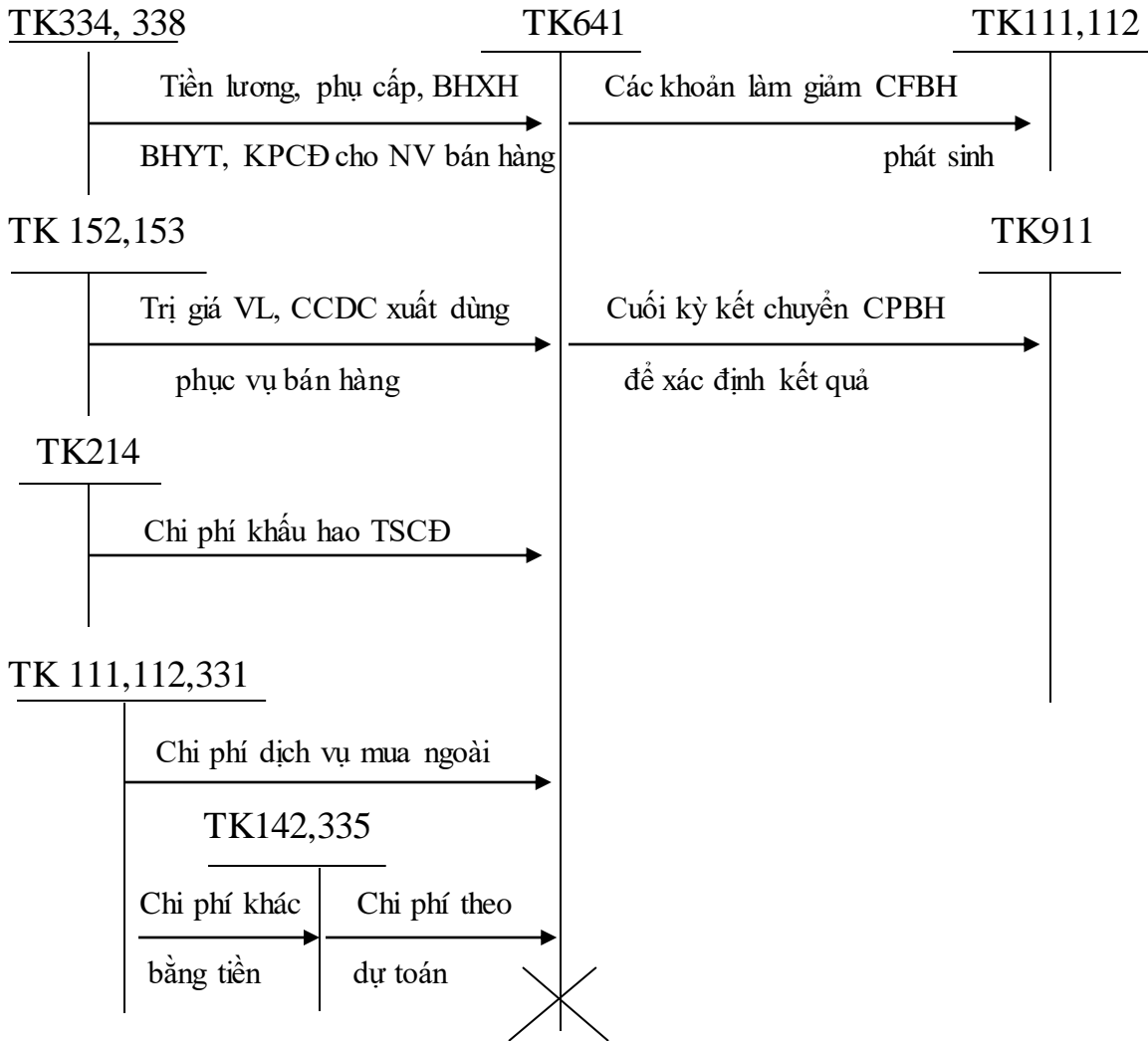
1.3.3 Kế toán chi phí bán hàng

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200, để tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp kế toán sẽ sử dụng TK 641 “Chi phí bán hàng”

- Kết cấu TK 641 gồm:
 - Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
 - Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
 - Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
 - Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành

- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng



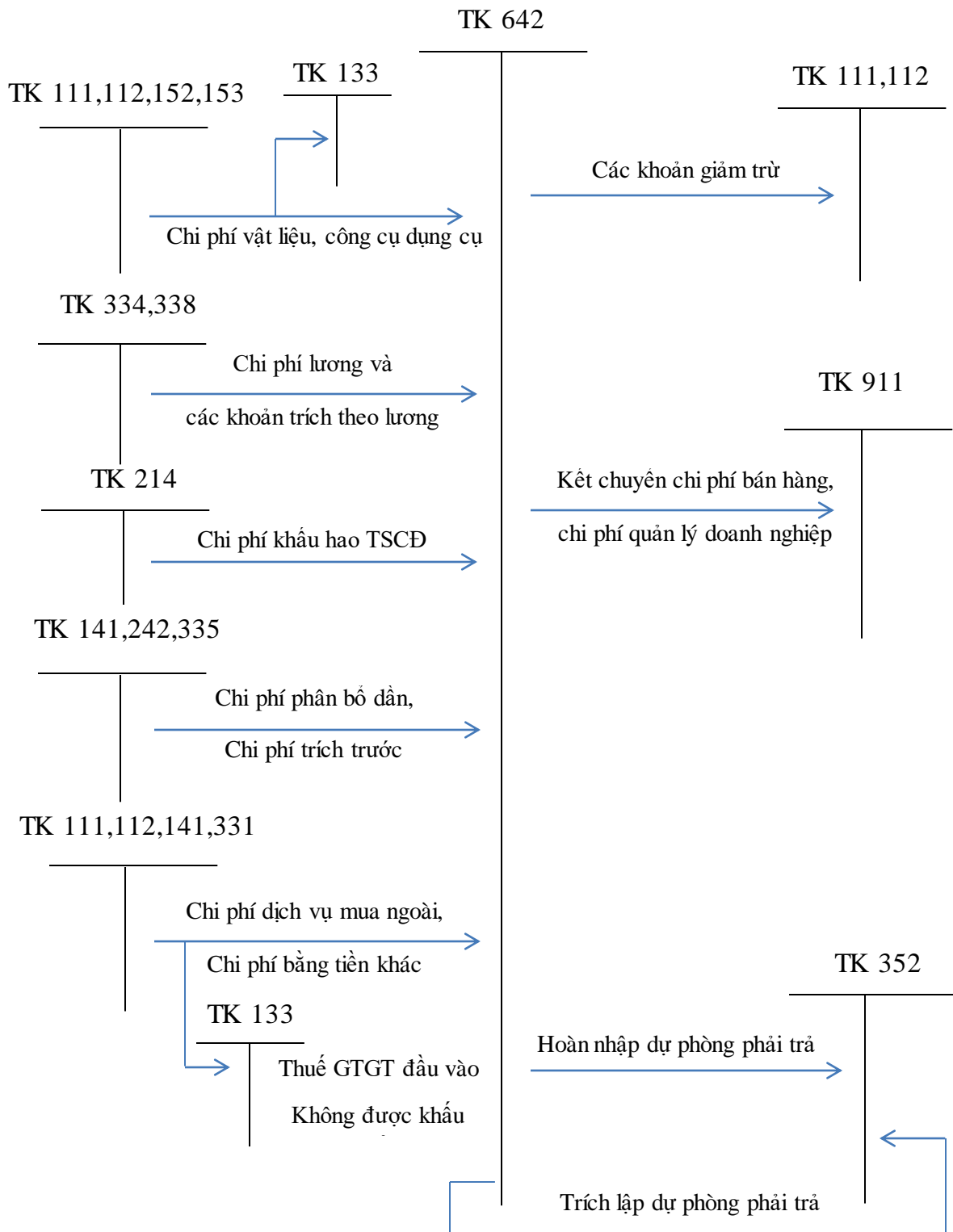
1.3.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư 200, để tổ chức kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp kế toán sẽ sử dụng TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

- Kết cấu TK 642 gồm:
 - Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
 - Tài khoản 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
 - Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
 - Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
 - Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí

- Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.5 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.3.5.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại.

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác liên quan

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

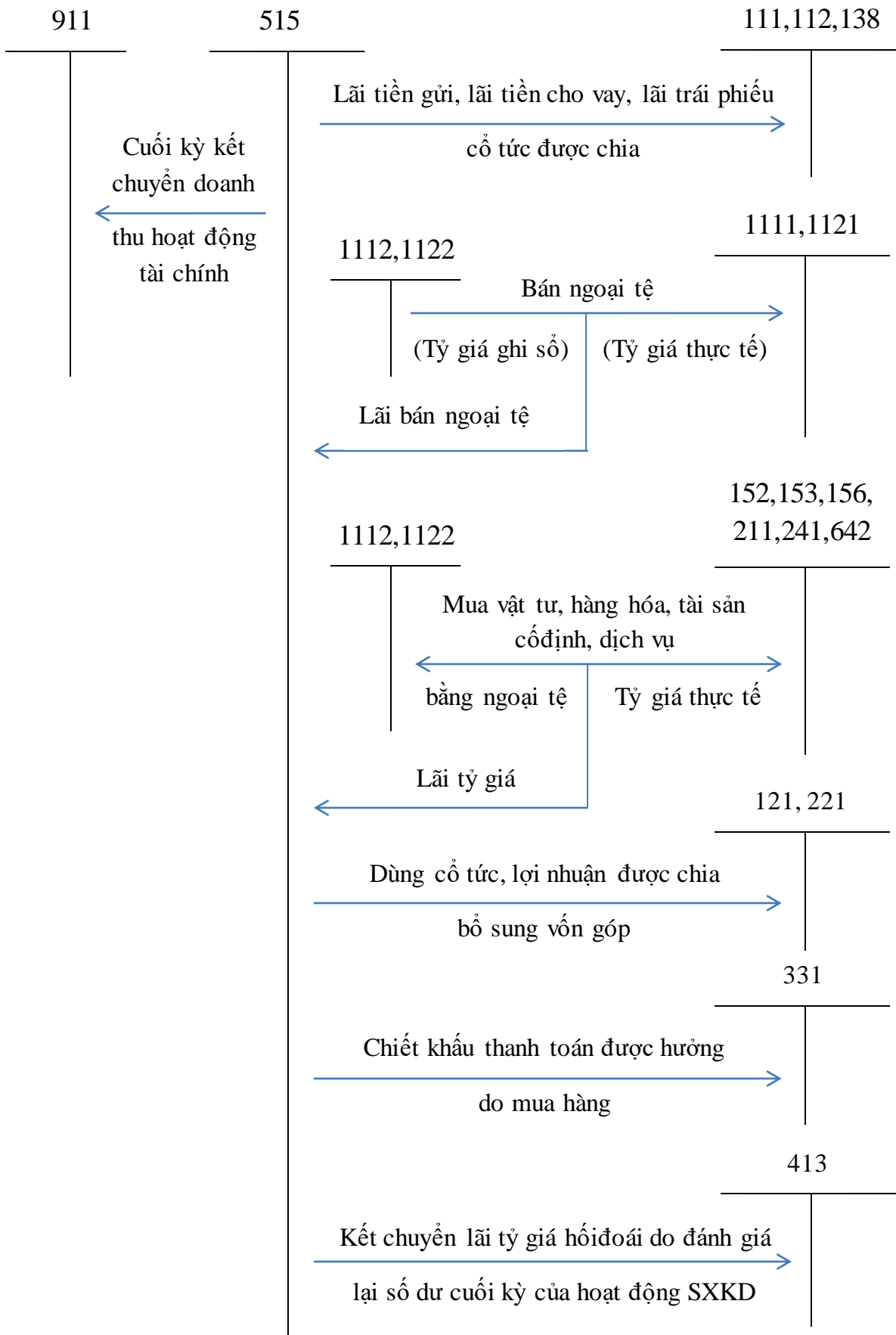
TK này phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, tiền cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

- *Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản:*

<i>Nợ</i>	<i>TK 515</i>	<i>Có</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp (nếu có) - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiền lãi, cổ tức và LN được chia - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết - Chiết khấu thanh toán được hưởng - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh; phát sinh khi bán ngoại tệ; do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động KD. - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động DTTC - Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ <p style="text-align: center;"><u>TK 515 không có số dư cuối kỳ</u></p>	

- *Phương pháp hạch toán:* được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.3.5.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

➤ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác liên quan

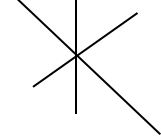
➤ Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”

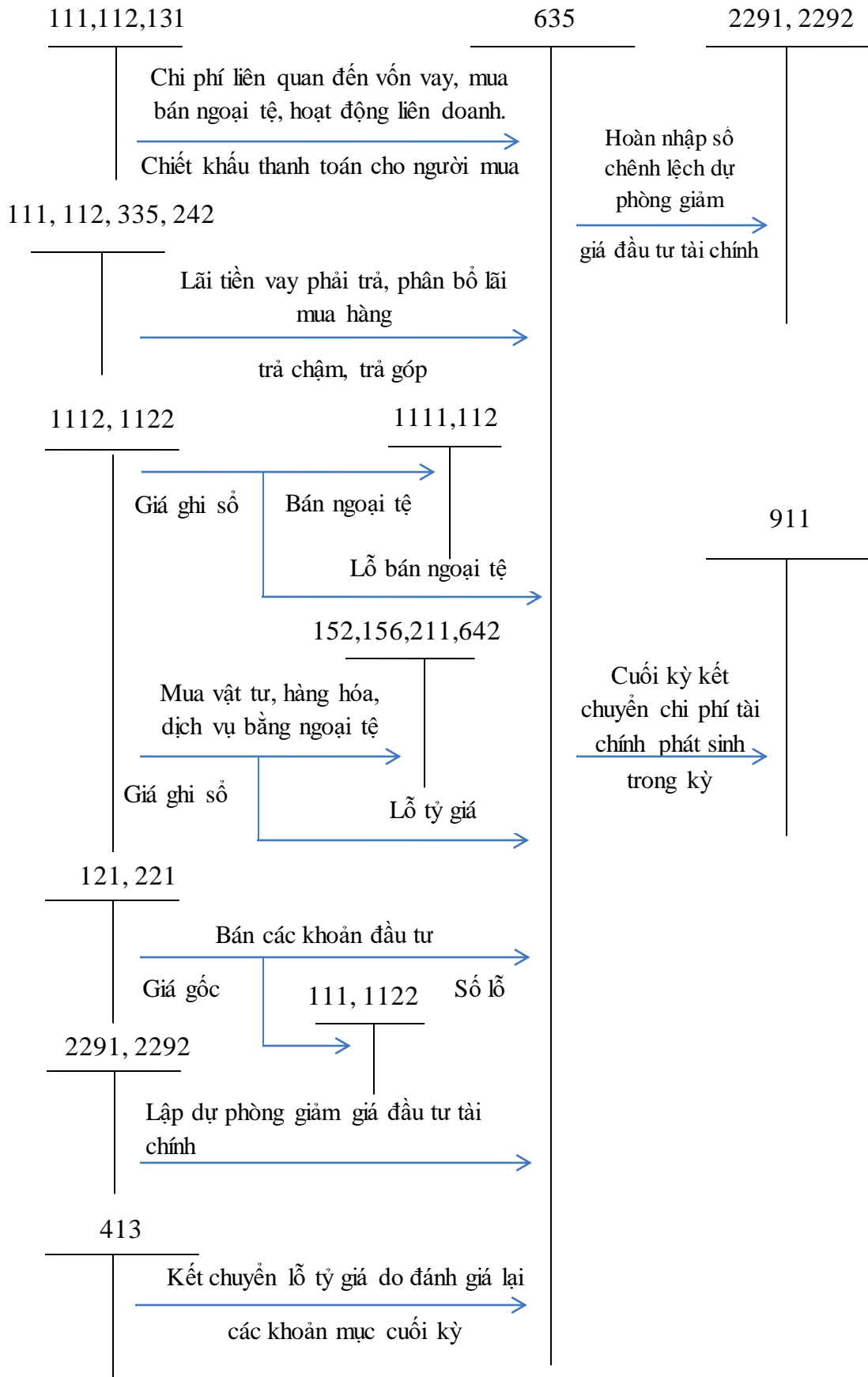
- Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái...

• Kết cấu và nội dung phản ánh tài khoản:

Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Chiết khấu thanh toán cho người mua - Các khoản lỗ do bán ngoại tệ, thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư - Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết) - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. 	<p><u>TK 635 không có số dư cuối kỳ</u></p>



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí tài chính



1.3.6 Hạch toán hoạt động khác

1.3.6.1 Hạch toán thu nhập khác

➤ Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 711 “Thu nhập khác”

TK này dùng để phản ánh các khoản thu nhập hoạt động khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

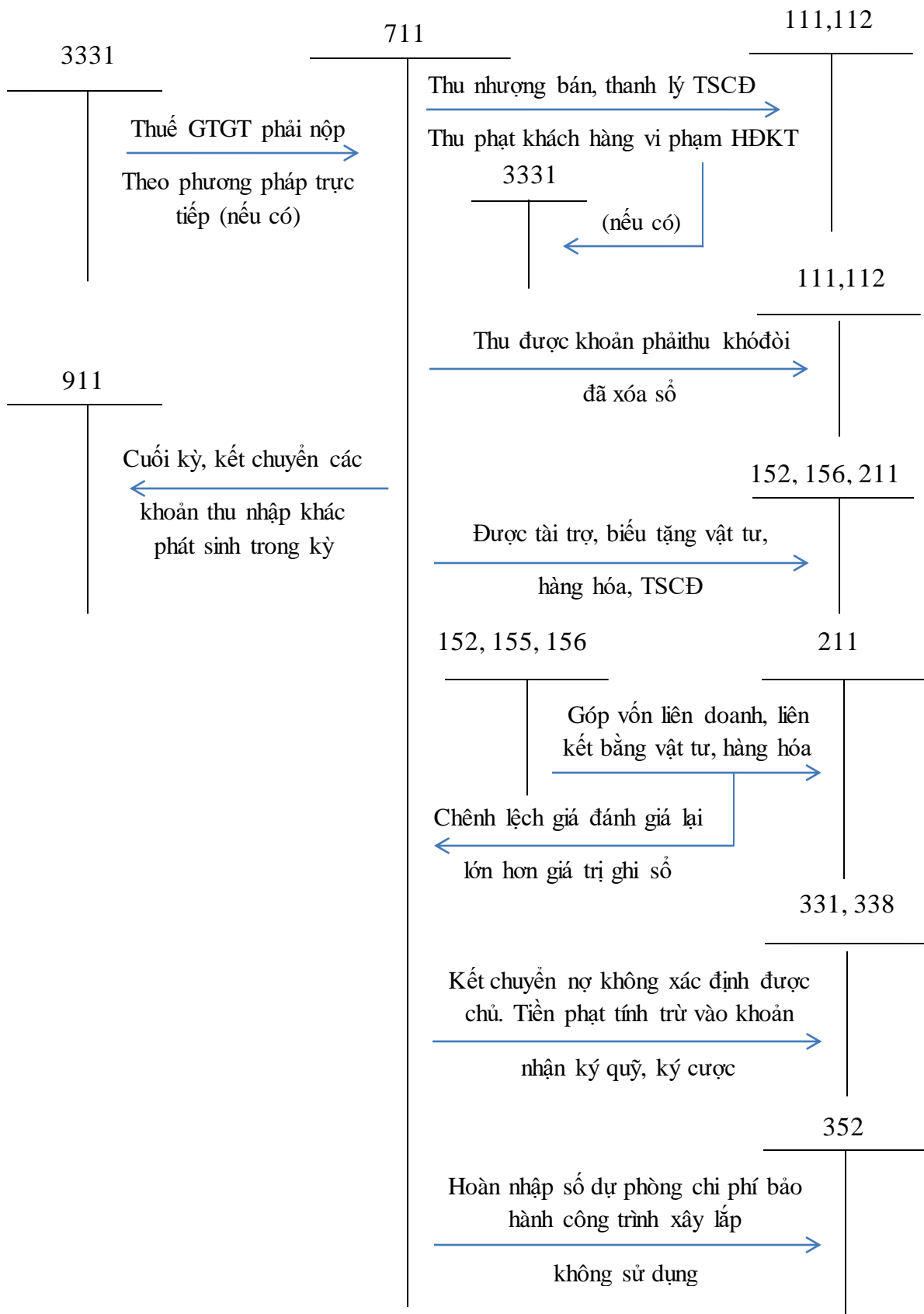
➤ *Kết cấu và nội dung phản ánh của TK711:*

<i>Nợ</i>	<i>TK 711</i>	<i>Có</i>
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ. <u>TK 711 không có số dư cuối kỳ</u>	

❖ Phương pháp hạch toán:

Phương pháp hạch toán thu nhập khác được thể hiện qua sơ đồ 1.9

Sơ đồ 1.9: Kế toán thu nhập khác



1.3.6.2 Hạch toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Chi phí khác phát sinh, gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- + Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- + Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán;
- + Các khoản chi phí khác.

Chứng từ sử dụng:

Phiếu chi, phiếu kế toán, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 811 “Chi phí khác”

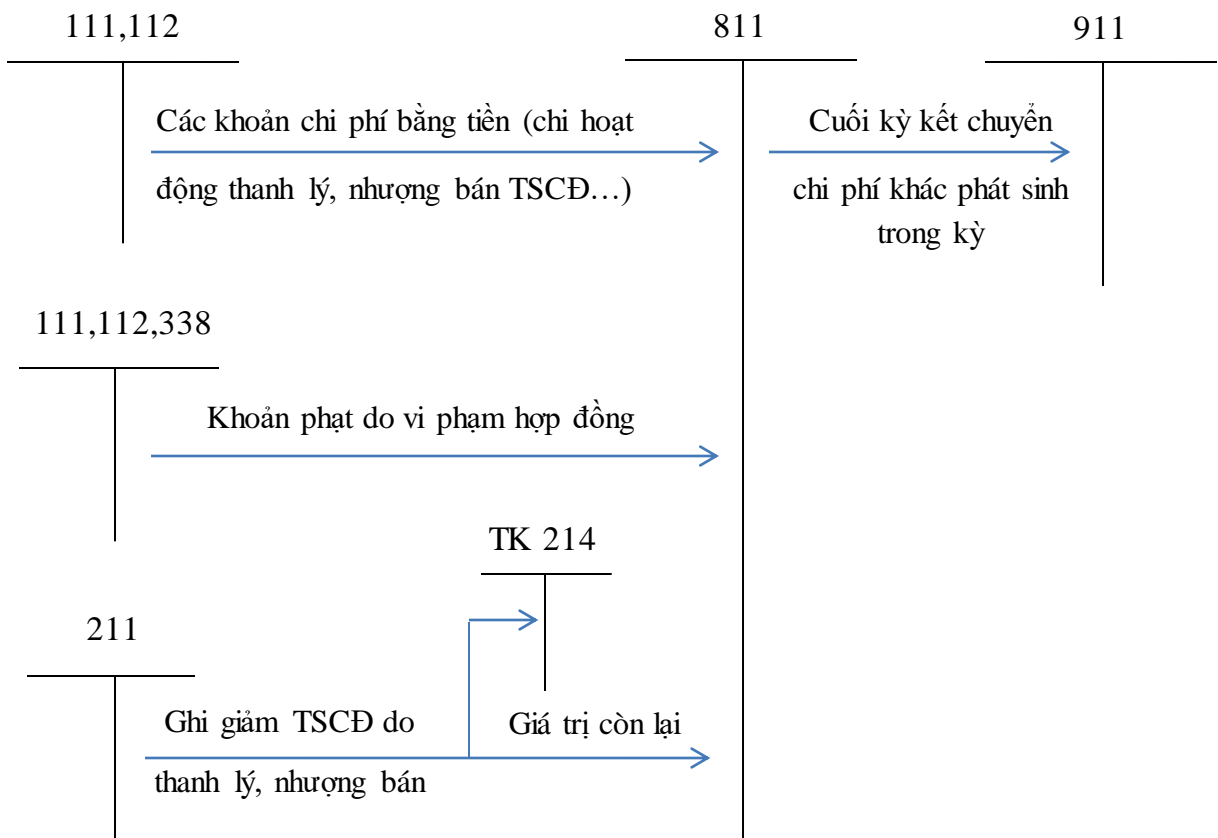
Loại tài khoản này phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kết cấu nội dung phản ánh tài khoản:

<i>Nợ</i>	<i>TK 811</i>	<i>Có</i>
- Các khoản chi phí phát sinh	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911	
	<u>TK 811 không có số dư cuối kỳ</u>	

Phương pháp hạch toán: được thể hiện qua sơ đồ 1.10

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác



1.3.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và kết quả thu nhập khác.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

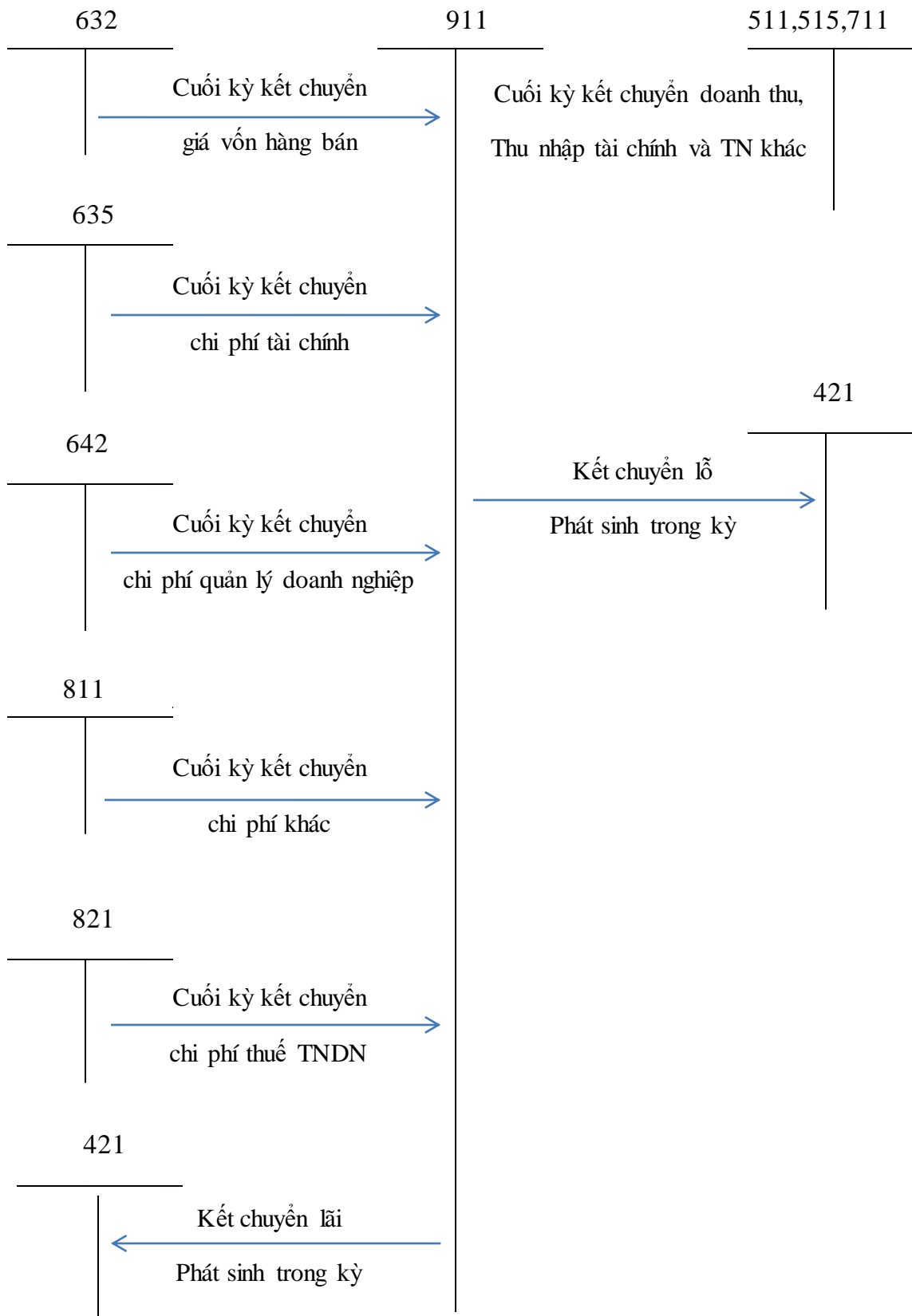
Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

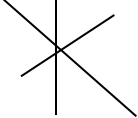
Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng: TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”

Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



Kết cấu tài khoản 911:

<i>Nợ</i>	<i>TK 911</i>	<i>Có</i>
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Chi phí quản lý kinh doanh - Chi phí tài chính, chi phí khác - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - Kết chuyển lãi. 	<div style="border-left: 1px solid black; border-right: 1px solid black; height: 100px; margin: 0 auto;"></div>	<ul style="list-style-type: none"> - DT thuần của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính. - Thu nhập khác. - Khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN. - Kết chuyển lỗ.
	<p><u>TK 911 không có số dư cuối kỳ</u></p> 	

1.4 Các hình thức kế toán trong doanh nghiệp

Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính áp dụng cho doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

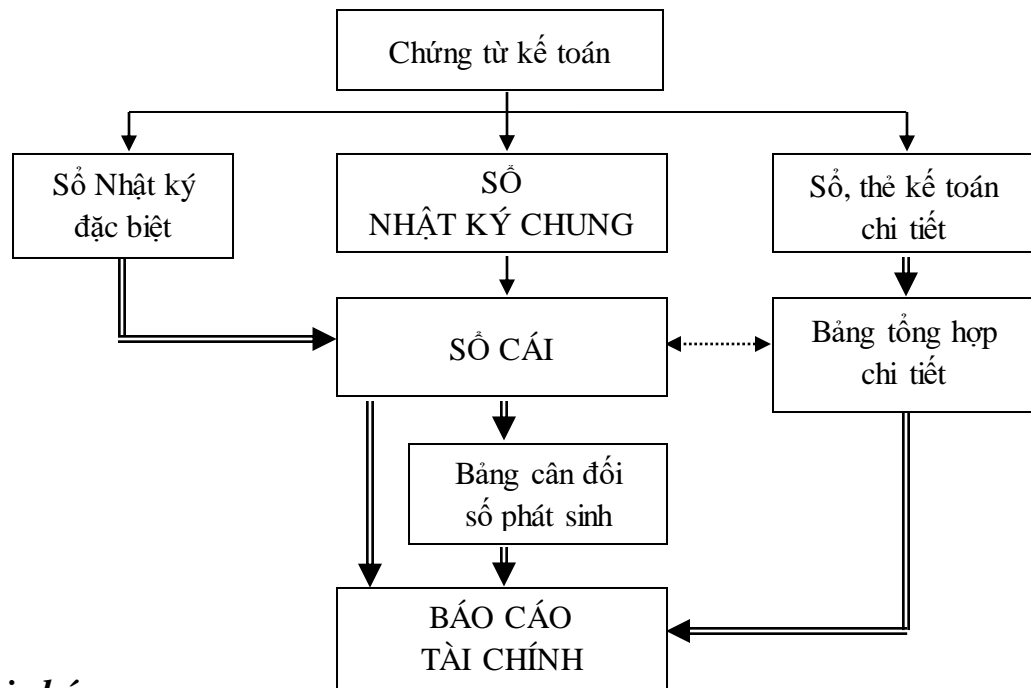
1.4.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- .-.-.-> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

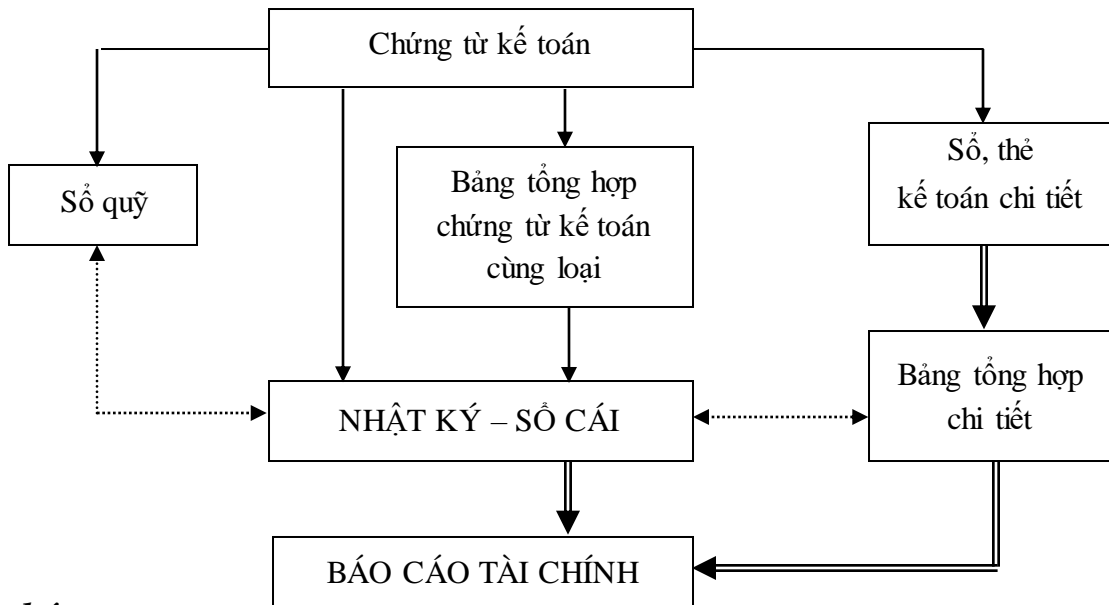
1.4.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

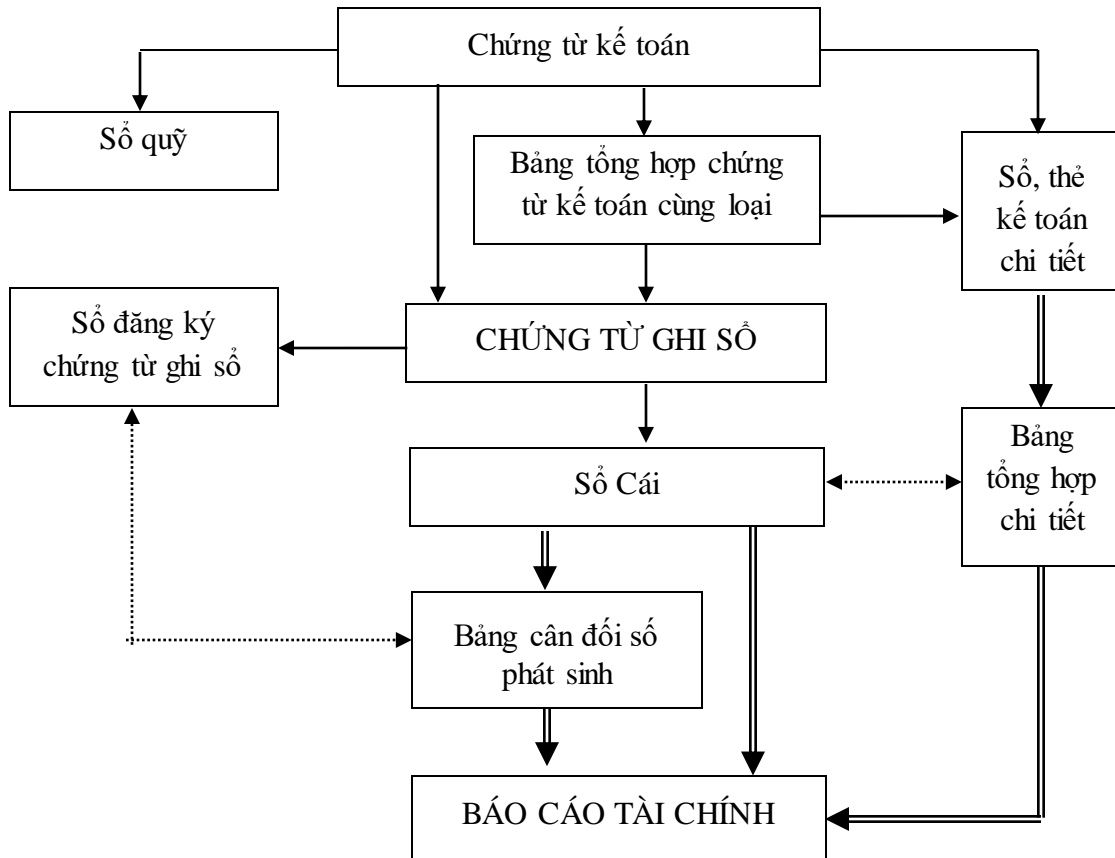
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- + Chứng từ ghi sổ;
- + Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- + Sổ Cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.4.4 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ là tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ, kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản), kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép, sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

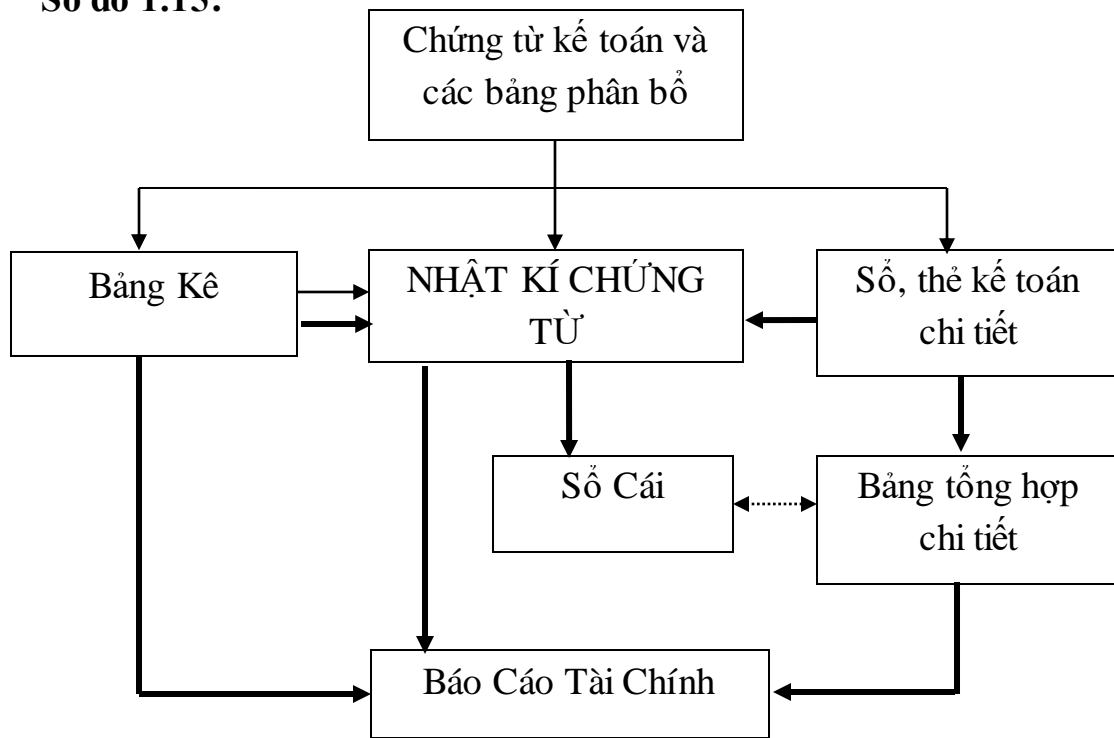
Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;

- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ thể hiện qua biểu đồ 1.5 dưới đây.

Sơ đồ 1.15:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ →

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

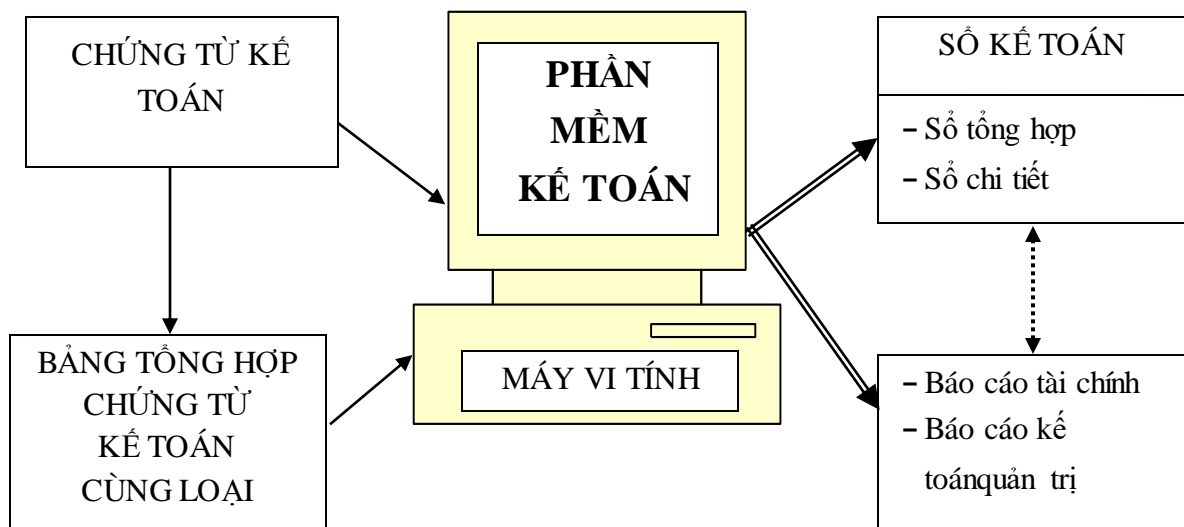
1.4.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy:

- Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong 5 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ qui trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo qui định.

- Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào thì sổ sách được thiết kế theo hình thức đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Tuấn Loan

2.1.1 Tên, quy mô và địa chỉ

Công ty TNHH Tuấn Loan là một doanh nghiệp vừa và nhỏ, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân, có tài khoản độc lập và có con dấu riêng. Vào ngày 30/11/2012 công ty được thành lập với tên Công ty TNHH Tuấn Loan. Công ty có các đặc trưng cơ bản sau:

- ❖ Tên công ty: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TUẤN LOAN
- ❖ Tên giao dịch quốc tế: TUAN LOAN LIMITED COMPANY
- ❖ Tên viết tắt: TUAN LOAN CO., LTD
- ❖ Giám đốc hiện tại của công ty: Phạm Văn Tuấn
- ❖ Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
- ❖ Điện thoại: 0313741223
- ❖ Mã số thuế: 0200812993
- ❖ Ngày cấp giấy phép: 19/05/2008
- ❖ Ngày bắt đầu hoạt động: 01/01/2009

Công ty TNHH Tuấn Loan là một công ty độc lập theo hình thức sở hữu tư nhân, được hình thành, xây dựng và phát triển từ năm 2008 đến nay. Qua gần 9 năm hoạt động kinh doanh, công ty đã khẳng định vị thế của mình là đơn vị hàng đầu chuyên sâu về lĩnh vực cung cấp dịch vụ thuê máy móc thiết bị cầu, bốc dỡ hàng hóa pử các cảng, bến bãi. Nhờ sự chuyên biệt và kinh nghiệm nhiều năm chuyên cung cấp dịch vụ bốc xếp dỡ hàng hóa đã giúp công ty có được lợi thế so với các công ty khác. Hiện tại công ty TNHH Tuấn Loan đang cung cấp dịch vụ cho thuê xe cầu, xe nâng, bốc xếp hàng hóa. Nhưng ngày đầu hình thành công ty có 5 CBCNV nhưng đến nay công ty đã có trên 30 CBCNV có trình độ cao chuyên sâu trong từng lĩnh vực, nhiều năm kinh nghiệm, năng động, luôn đồng hành gắn bó cùng Ban lãnh đạo Công ty trong mọi hoạt động. Đóng góp nhiều công sức, trí tuệ giúp Công ty luôn phát triển ổn định, bền vững qua các thời kỳ.

Đó là một thuận lợi rất lớn cho hoạt động cung cấp dịch vụ của công ty trong cơ chế thị trường.

2.1.2 Chức năng, nhiệm vụ

❖ Chức năng công ty

- Khai thác nguồn vốn, tài sản của công ty trong qua trình kinh doanh sao cho hiệu quả nhất
- Tổ chức, sắp xếp, điều hành, quản lý mọi hoạt động của công ty phù hợp với ngành nghề kinh doanh
- Bảo toàn các nguồn vốn, tài sản công ty giao
- Chức năng chính của công ty là cho thuê cầu, bốc xếp hàng hóa,...

❖ Nhiệm vụ công ty

- Tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ thương mại theo đúng ngành nghề ghi trên giấy đăng ký kinh doanh
- Chủ động cung cấp xe cầu, bốc xếp hàng hóa
- Xây dựng kế hoạch, công việc cụ thể hàng tháng, quý, năm về mọi hoạt động trong công ty
- Tổ chức công tác hạch toán độc lập phụ thuộc theo đúng luật kế toán, chuẩn mực kế toán và điều lệ công ty
- Công tác quản lý công tác tài chính, chi phí và các khoản phải thu, phải trả được chặt chẽ, đúng luật
- Thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN
- Bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự xã hội

2.1.3 Ngành nghề kinh doanh

❖ Những ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Phá dỡ
- Chuẩn bị mặt bằng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- **Bốc xếp hàng hóa**
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

2.1.4 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

❖ Chức năng công ty

- Khai thác nguồn vốn, tài sản của công ty trong quá trình kinh doanh sao cho hiệu quả nhất
- Tổ chức, sắp xếp, điều hành, quản lý mọi hoạt động của công ty phù hợp với ngành nghề kinh doanh
- Bảo toàn các nguồn vốn, tài sản công ty giao
- Chức năng chính của công ty là cho thuê cầu, bốc xếp hàng hóa, ...

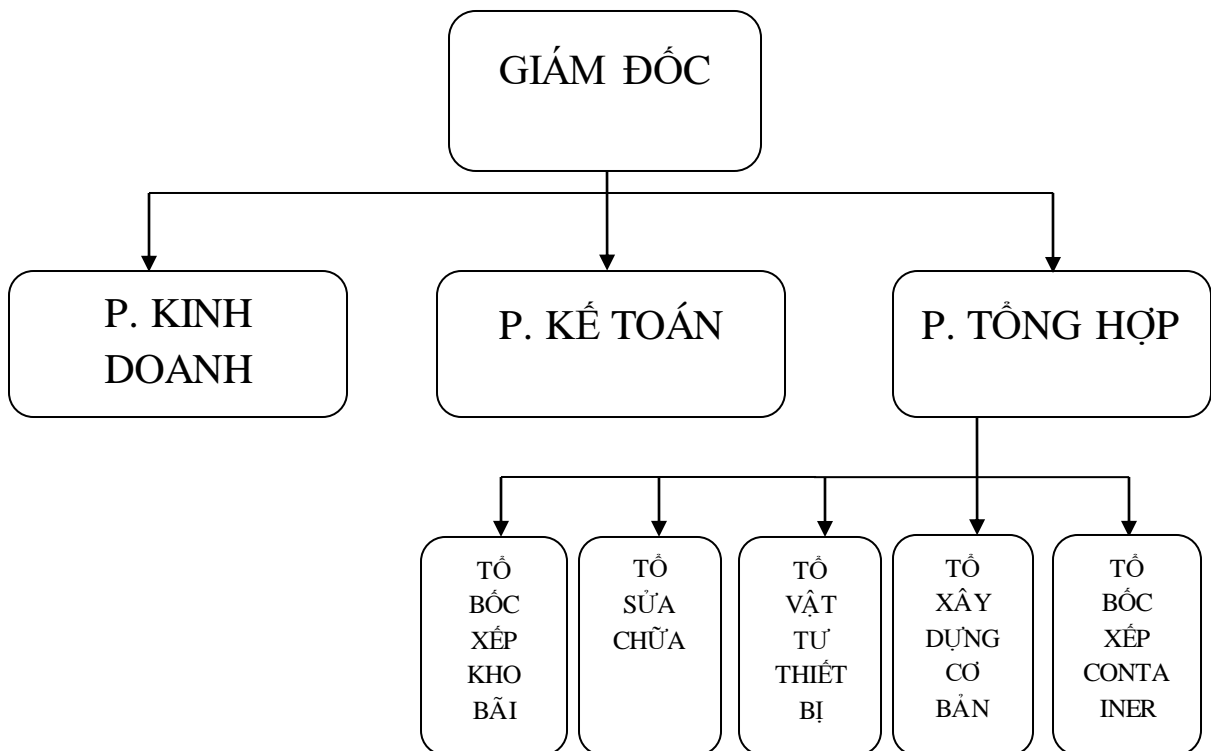
❖ Nhiệm vụ công ty

- Tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ thương mại theo đúng ngành nghề ghi trên giấy đăng ký kinh doanh
- Chủ động cung cấp xe cầu, bốc xếp hàng hóa
- Xây dựng kế hoạch, công việc cụ thể hàng tháng, quý, năm về mọi hoạt động trong công ty
- Tổ chức công tác hạch toán độc lập phụ thuộc theo đúng luật kế toán, chuẩn mực kế toán và điều lệ công ty
- Công tác quản lý công tác tài chính, chi phí và các khoản phải thu, phải trả được chặt chẽ, đúng luật
- Thực hiện nghĩa vụ nộp NSNN
- Bảo vệ môi trường, giữ gìn trật tự xã hội

2.1.5 Đặc điểm tổ chức quản lý

Công ty có đội ngũ công nhân viên hầu hết đã qua các trường lớp đào tạo cơ bản, đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật đều có trình độ đại học và trên đại học. Công nhân có trình độ tay nghề cao, có kinh nghiệm thực tế, ban giám đốc Công ty có sự năng động, nhạy bén trong công tác quản lý điều hành và nắm bắt thị trường.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Tuấn Loan



Chức năng của từng bộ phận được tóm tắt như sau:

Đứng đầu là giám đốc công ty: Ông **Phạm Văn Tuấn**, là người tổ chức điều hành mọi hoạt động của công ty. Giám đốc trực tiếp điều hành các phòng ban:

- Phòng Kinh doanh
- Phòng Kế toán
- Phòng Tổng hợp: gồm
 - + Tổ bốc xếp kho bãi
 - + Tổ sửa chữa
 - + Tổ vật tư thiết bị
 - + Tổ xây dựng cơ bản
 - + Tổ bốc xếp container

❖ **Phòng kinh doanh:** có nhiệm vụ cùng với giám đốc và phó giám đốc xây dựng phương án, kế hoạch kinh doanh, hoạt động theo đúng chủ trương của giám đốc. Đối với những mặt hàng tiêu thụ chậm cần phân tích tại sao, phải làm gì để khắc phục tình trạng ứ đọng hàng hoá trong kho. Đối với những mặt hàng mới lần đầu đưa vào kinh doanh cần thăm dò thị trường, nhu cầu cũng như khả năng tiếp nhận của người mua nhằm mang lại hiệu quả cao trong khâu tiêu thụ. Bên cạnh

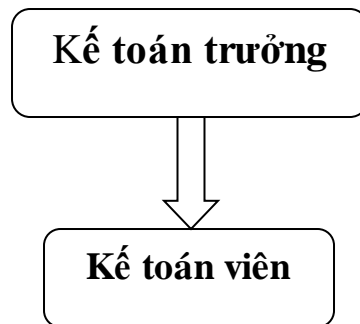
công tác nghiên cứu thị trường hàng hoá, các thành viên trong phòng cũng cần tìm những khách hàng mới nhằm giúp Công ty đứng vững trên thị trường cạnh tranh như hiện nay. Dù tập trung tìm thị trường mới nhưng vẫn phải quan tâm, chăm sóc, tạo sự tin tưởng hơn nữa đối với những khách hàng truyền thống nhằm làm tăng thêm khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đây là phòng có chức năng vô cùng quan trọng việc tạo ra nguồn doanh thu và lợi nhuận cao cho Công ty, góp phần quyết định sự tồn tại của Công ty.

❖ **Kho:** Đây là nơi lưu trữ và bảo quản vật tư của công ty. Việc kiểm soát về tình hình nhập - xuất - tồn và dự trữ vật tư có ảnh hưởng đến nhiệm vụ cung ứng kịp thời vật tư cho sản xuất đảm bảo đáp ứng kịp thời cho nhu cầu về hàng hóa trên thị trường.

2.1.6 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán Công ty theo mô hình tổ chức kế toán tập trung. Toàn Công ty có 1 phòng tài chính kế toán. Mọi chứng từ số liệu đều tập trung gửi về đây, tại đây sẽ tổ chức mọi hoạt động thống kê ghi chép và tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm.

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH Tuấn Loan



Chức năng nhiệm vụ của các thành viên trong phòng:

Kế toán trưởng:

- Trực tiếp chỉ đạo hướng dẫn công tác kế toán, kiểm tra hạch toán, ghi chép, phản ánh các số liệu ghi trên chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán.
- Kế toán trưởng là người chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh tế liên quan đến tiền trước giám đốc công ty.
- Tổng hợp các chi phí liên quan đến quá trình hoạt động của công ty từ các phần hành kế toán của từng thời kì, từng giai đoạn sản xuất.
- Trên cơ sở báo cáo tài chính được lập của doanh nghiệp tiến hành phân tích hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

Kế toán viên:

- Kế toán NVL, CCDC: thông qua các chứng từ đã được hạch toán, ghi chép chi tiết vào trong sổ sách kế toán, tiến hành chi tiết về số lượng nguyên liệu, công cụ dụng cụ đã sử dụng để tổng hợp tính chi phí sản xuất kinh doanh, tính toán và phân bổ cho từng công trình.

- Kế toán tiền lương và các khoản bảo hiểm: lương là khoản thu nhập chính từ các công nhân do đó cần phải hạch toán chính xác, đầy đủ và kịp thời kết quả lao động của công nhân, nhân viên. Tổng hợp ngày công chính xác trên cơ sở đó tính lương đầy đủ theo tháng cho công nhân viên. Trích nộp các khoản bảo hiểm cho công nhân viên theo quy định của Nhà nước, theo chế độ kế toán hiện hành.

- Kế toán TSCĐ và chi phí: tổng hợp, ghi chép, phản ánh chi tiết các khoản chi phí và theo dõi chặt chẽ tình hình tài sản cố định đang có ở doanh nghiệp như tình hình tăng giảm TSCĐ, tính toán và lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ cho từng tháng, cho từng công trình.

- Kế toán thanh toán: dựa trên các chứng từ gốc, kê toán tiến hành lập các phiếu thu, phiếu chi kèm theo chứng từ đầy đủ theo đúng chế độ kế toán đã quy định. Hàng ngày theo dõi, ghi chép, phản ánh đầy đủ kịp thời, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng vào sổ.

2.1.6.1 Chính sách kế toán

- Công ty TNHH Tuấn Loan có niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

- 1/ Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, và tiền gửi ngân hàng

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Qui đổi thống nhất về Việt Nam đồng

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ

- 2/ Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Theo nguyên giá

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao theo đường thẳng

- 3/ Thuế

- Kế toán thuế theo phương pháp khấu trừ.

- 4/ Chế độ đối với HTK

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Đánh giá theo giá trị thực tế

- Phương pháp tính giá là: thực tế đích danh, kỳ tính giá là cuối mỗi tháng
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Hình thức sổ sách kế toán

- Hình thức sổ kế toán ở công ty Tuấn Loan là hình thức NHẬT KÍ CHUNG
- **Đặc trưng của hình thức kế toán NKC:**

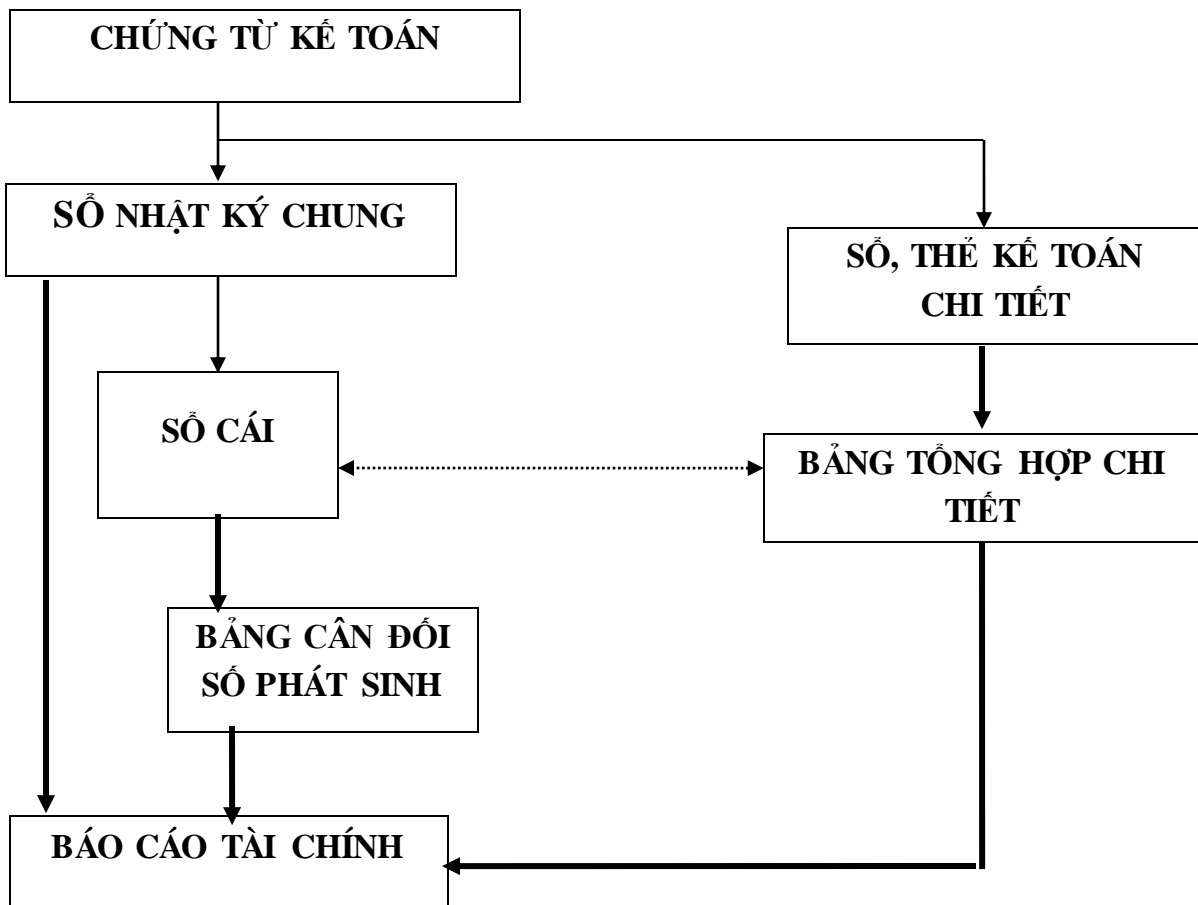
Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Nhật ký chung”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của các nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung được dùng làm căn cứ để ghi vào Sổ Cái

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ kế toán sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ kế toán theo hình thức nhật ký chung của công ty TNHH Tuấn Loan



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: —————>

Ghi cuối tháng: —————>

Đối chiếu, kiểm tra: <----->

2.1.6.2 Hệ thống sổ kế toán

- Hệ thống sổ kế toán sử dụng để ghi chép và tổng hợp số liệu, các chứng từ kế toán theo một trình tự và phương pháp ghi chép nhất định. Căn cứ vào hệ thống tài khoản kế toán và các chế độ của nhà nước, căn cứ vào quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung” rất thuận tiện, phù hợp với quy mô của Công ty, đảm bảo việc thông tin nhanh, chính xác và kịp thời. Hình thức này bao gồm các sổ kế toán sau:

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ Cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

- Hệ thống báo cáo tài chính theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của bộ trưởng BTC này bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (mẫu số B-01/DNN)
- + Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B-02/DNN)
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B-03/DNN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B-09/DNN).

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Đặc điểm mặt hàng tiêu thụ

Công ty cung cấp chủ yếu các dịch vụ cầu cảng, bốc xếp hàng hóa, cung cấp các loại dầu. Công ty cung cấp các dịch vụ với phương châm uy tín và chất lượng đặt lên hàng đầu.

b) Phương thức bán hàng tại Công ty

✚ Các phương thức tiêu thụ tại công ty:

- Cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa: cho thuê cho xe cầu, dầu....

✚ Các phương thức thanh toán tại công ty:

Nhằm đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ đồng thời để phù hợp với khả năng thanh toán của từng đối tượng, công ty đa dạng hóa các phương thức thanh toán để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng.

Các phương thức thanh toán chủ yếu là:

+ Bán hàng thu tiền ngay, thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt: hình thức thanh toán này áp dụng đối với khách hàng mua lẻ trực tiếp tại cửa hàng hoặc đối với khách hàng có nhu cầu thanh toán ngay.

+ Thanh toán qua ngân hàng: hình thức này được trích chuyển từ tài khoản người phải trả sang tài khoản người được hưởng thông qua ngân hàng và phải trả lệ phí cho ngân hàng. Sau khi khách hàng nhận được hàng hóa thì trong khoảng thời gian quy định, khách hàng thanh toán tiền cho công ty. Phương thức này được sử dụng trong cả bán buôn và bán lẻ.

+ Bán chịu: áp dụng với khách hàng có quan hệ thường xuyên, có độ tin cậy với Công ty hoặc mua hàng với số lượng lớn. Khách hàng nhận được hàng chưa trả tiền hoặc trả một phần tiền và ghi nợ với Công ty.

c) Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán doanh thu bán hàng của Công ty, kế toán sử dụng TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Song song với việc phản ánh doanh thu kế toán còn phải theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng, công ty còn phải sử dụng một số tài khoản liên quan:

- TK 111 - Tiền mặt
- TK 112 - Tiền gửi ngân hàng,
- TK 131 - Phải thu của khách hàng.
- TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ
- TK 3331 - Thuế GTGT đầu ra phải nộp

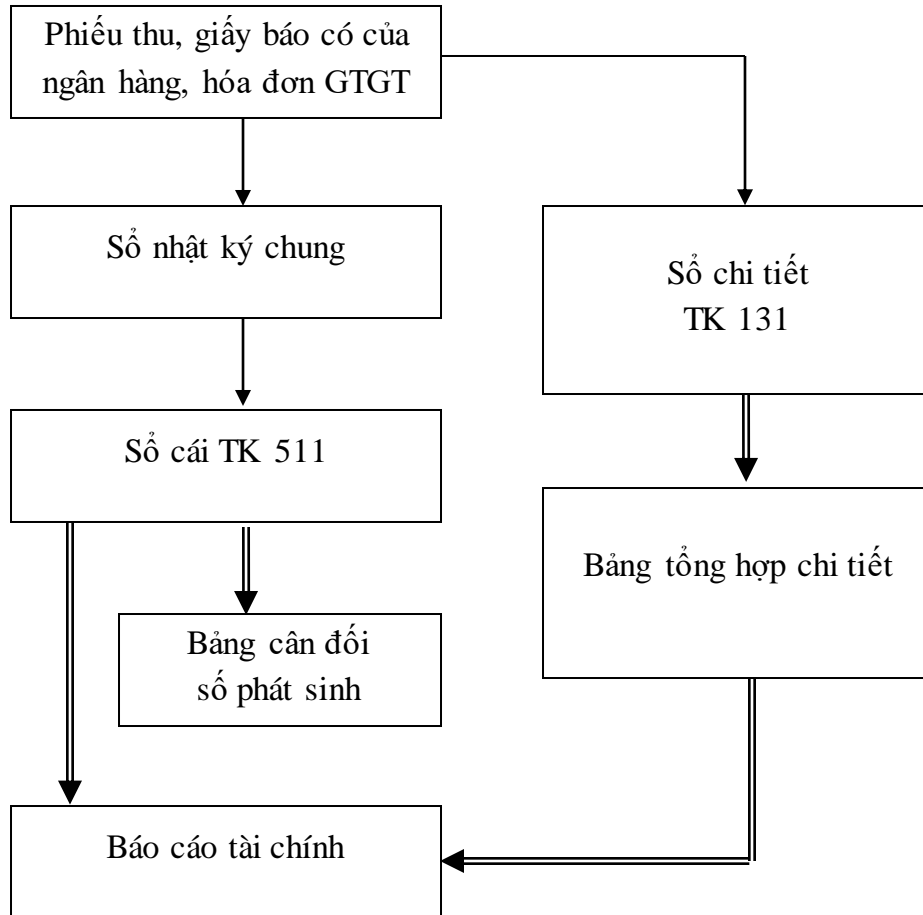
d) Chứng từ sử dụng

Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, yêu cầu của khách hàng đối với công ty về việc mua bán các sản phẩm, căn cứ vào thời hạn giao hàng đã thỏa thuận, khi sản phẩm được xuất khỏi kho của công ty và chuyển tới khách hàng thì số hàng này được coi là tiêu thụ và được khách hàng chấp nhận. Căn cứ vào hợp đồng kinh tế, phòng tiêu thụ viết hóa đơn GTGT.

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

e) Quy trình luân chuyển chứng từ

Sơ đồ 2.4: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Tuấn Loan



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ (cuối kỳ, cuối tháng)
- ←----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán ghi sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131. Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 511, 911

Cuối kì căn cứ vào sổ cái các tài khoản vào bảng cân đối số phát sinh, và căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 vào bảng tổng hợp chi tiết. Từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết kế toán lập báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.1:

Ngày 29/11/2015: Thu Phí cầu bến + bắt dây theo HĐ 0001549 của Công ty CP vận tải và thương mại Hà Phương.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 8.614.419

Có TK 511 : 7.831.290

Có TK 3331: 783.129

Nợ TK 111:8.614.419

Có TK 131: 8.614.419

Căn cứ vào HĐ GTGT số 0001549, kế toán ghi Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái 511.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0001549

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0001549			
Ngày 29 tháng 11 năm 2016					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN					
Địa chỉ: Tổ 11 Đ/1 đường Quỳnh Cư, Hùng Vương, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200812993					
Điện thoại: 031.0534685					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty CP vận tải và thương mại Hà Phương					
Địa chỉ: Số 27/17 Ngõ 46 Lạch Tray, P Hàng Kênh, Q Lê Chân, TP Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200612176					
Hình thức thanh toán: TMSố tài khoản:					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1)	Phí cầu bến tàu Hà Minh 189				
-	Phí cập mạn	Giờ	61	15.990	975.390
-	Phí cập cầu	Giờ	205	31.980	6.555.900
2)	Bắt dây	Lượt	02	150.000	300.000
Cộng tiền hàng:					7.831.290
Thuế suất GTGT 10% Tiền thuế GTGT:					783.129
Tổng cộng tiền thanh toán:					8.614.419
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu sáu trăm mười bốn ngàn, bốn trăm mười chín đồng. /</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Đã ký, đóng dấu)	

(Nguồn: trích số liệu phòng kế toán Công ty TNHH Tuấn Loan)

Biểu số 2.2: Phiếu thu số 013

Công ty TNHH Tuấn Loan
Tổ 11 Đ1Quỳnh Cư, Hùng Vương, Hồng Bàng,
Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo Thông tư số:
200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 29 tháng 11 năm 2016

Quyển số:

Số: PT-11/13

Nợ 111: 8.614.419

Có 131: 8.614.419

Họ và tên người nộp tiền: **Công ty CP vận tải và thương mại Hà Phương**

Địa chỉ: 27/17/46 Lạch Tray Quận Lê Chân, Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Lý do nộp: Thu Phí cầu bến + bắt dây

Số tiền: 8.614.419 (Viết bằng chữ): *Tám triệu sáu trăm mười bốn ngàn, bốn trăm mười chín đồng.*

Kèm theo:Chứng từ gốc:

Ngày 29 tháng 11 năm 2016

Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i>	Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>	Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i>
--	--	--	---	---------------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Tám triệu sáu trăm mười bốn ngàn, bốn trăm mười chín đồng.*

Biểu số 2.3: Trích sổ nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Mẫu số: S03a – DN

Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Ban hành theo T.tư số: 200/2014/QĐ- BTC

Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng (BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
...
29/11/2016	29/11/2016	HD 0001549	Phí cầu bến + bắt dây			
			Phải thu của khách hàng	131	8.614.419	
			Doanh thu bán hàng hoá	511		7.831.290
			Thuế GTGT đầu ra	3331		783.129
29/11/2016	29/11/2016	PT-11/13	Thu Phí cầu bến + bắt dây theo HD 0001549			
			Tiền mặt	111	8.614.419	
			Phải thu của khách hàng	131		8.614.419
...
31/12/2016	31/12/2016	PXD- 2016-474	Xuất dầu cho xe cầu theo KATO-250 theo PDN-2016-249			
			Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	621	1.153.950	
			Nguyên liệu chính	152		1.153.950
			Tổng cộng		195.859.517.538	195.859.517.538

- Sổ này có 126 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 126

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường
Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Ban hành theo T.tư số: 200/2014/QĐ- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên tài khoản: **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Số hiệu: **511**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đ/U'	Phát sinh		Ghi chú
	Ngày,tháng ng	Số hiệu			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ				
...
25/11/20 16	25/11/20 16	HD 0001544	Cước xếp dỡ cám, gạo	131			99,434,700
25/11/20 16	25/11/20 16	HD 0001545	Cước bốc xếp thép	131			14,634,585
25/11/20 16	25/11/20 16	HD 0001546	Cước bốc xếp	131			846,253,213
26/11/20 16	26/11/20 16	HD 0001547	Cước bốc xếp	131			7,432,845
29/11/20 16	29/11/20 16	HD 0001548	Cước bốc xếp	131			1,232,184,613
29/11/20 16	29/11/20 16	HD 0001549	Phí cầu bến + bắt dây	131			7,831,290
...
31/12/20 16	31/12/20 16	PKT 007	Kết chuyển doanh thu cuối kỳ	911	14,708,979,519		
			Cộng phát sinh trong kỳ		14,708,979,519		14,708,979,519
			Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có 6 trang, đánh từ trang 1 đến trang 6

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh giá vốn hàng bán, do đặc điểm doanh thu của Công ty từ bóc xếp hàng hóa, thuê cầu... nên công ty không có sản phẩm bán ra mà giá vốn được tổng hợp phân bổ từ chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí SXC.

Nợ TK 632

Có TK 154

✚ Tài khoản sử dụng:

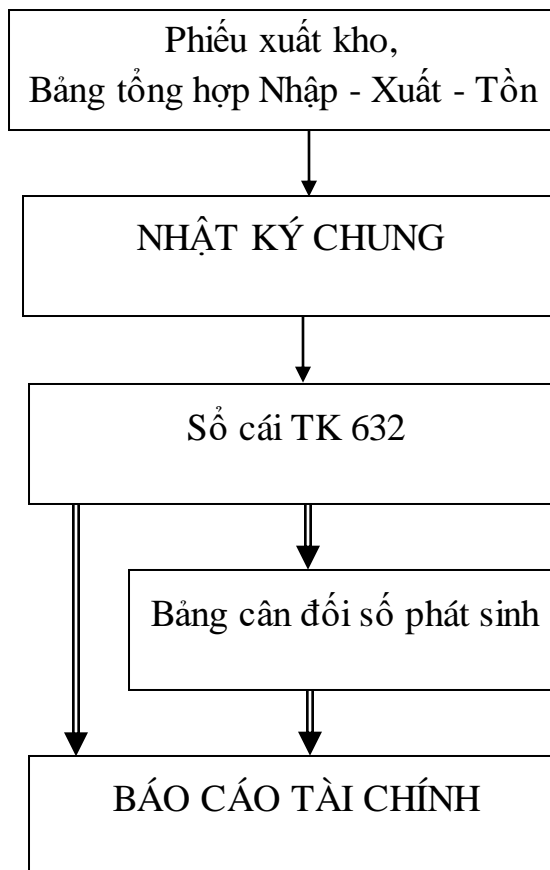
Đề hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng tài khoản 632 – “Giá vốn hàng bán”. Tài khoản này kế toán công ty không theo dõi chi tiết trên TK cấp 2.

✚ Chứng từ sử dụng:

- + Bảng tổng hợp nhập - xuất - tồn hàng hoá
- + Phiếu xuất kho

✚ Quy trình luân chuyển chứng từ (Sơ đồ 2.5)

Sơ đồ 2.5: Quy trình luân chuyển chứng từ giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Tuấn Loan



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ (cuối kỳ, cuối tháng)
- > Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng ngày căn cứ vào phiếu xuất kho, bảng tổng hợp nhập-xuất-tồn đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK 632.

Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên Sổ cái chuyển số liệu vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra số liệu ghi trên Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.2: Ngày 1/11/2016: Xuất kho Komat phục vụ cầu (xuất xăng dầu bôi trơn).

Kế toán ghi Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK 632. Định kỳ từ Sổ cái TK 632 kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra lại số liệu kế toán vào Báo cáo tài chính. *Công ty không mở Sổ chi tiết của TK 632*

Ví dụ 2.3: Kết chuyển giá vốn tháng 11/2016

Biểu số 2.5: Phiếu xuất kho 026

Đơn vị: **Cty TNHH Tuấn Loan**

Mẫu số:02-VT

**Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**

Ban hành theo T.tư số: 200/2014/QĐ- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 01 tháng 11 năm 2016

Số: P XK- 11/026

Nợ 627: 933.552

Có 152: 933.552

Họ tên người nhận hàng: **Đỗ Tiến Đạt**

Địa chỉ:

Lý do xuất kho: **Xuất bán Komat phục vụ cầu**

Xuất tại kho: **VT - kho vật tư**

ST T	Tên vật tư	MS	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	PLC Komat SHD 50 LIT (200)	VT-D18	lít	18		51.864	933.552
	Cộng						933.552

Ngày 01 tháng 11 năm 2016

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: Số chi tiết vật liệu dụng cụ

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,

Hải Phòng

SỐ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Vật tư: D18 – Komat

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Vật tư	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Ngày	Số					Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Số dư đầu kỳ (VT-D18)								54.00	2,820,000
01/01/2016	PXK-1/001	Xuất kho Komat phục vụ cầu	627	VT-D18	52,222			54.00	2,819,988	12	
...				
01/11/2016	PXK-11/026	Xuất kho Komat phục vụ cầu	627	VT-D18	52,223			18.00	940,014	2	
30/11/2016	PNK-11/005	Nhập kho KOMAT	111	VT-D18	52,222	18.00	940,000			18.00	940,002
...
30/12/2016	PNK-12/006	Nhập kho Komat	111	VT-D18	52,222	18.00	940,000			18.00	940,006
		Nhập xuất trong kỳ				506.00	26,354,000	542.00	28,233,994		
		Số dư cuối kỳ (VT-D18)								18.00	940,006

Ngày..... tháng..... năm

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Tổng hợp nhập kho

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN
 Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,
 Hải Phòng

TỔNG HỢP NHẬP KHO

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Chi tiết			Số lượng	Tiền mặt	Công nợ	Khác
Mã	Tên vật tư	Đvt				
A	B	C	1	2	3	4
VT-D02	Dầu Diezen 0.05%	lít	204,236.00	362,579,508	2,155,632,556	
VT-D09	Energol các loại	lít	209.00	12,314,280		
VT-D18	PLC Komat SHD 50 LIT(200)	lít	506.00	13,194,000	13,160,000	
VT-GRE	Grease	H0.8	180.00	14,940,000		
VT-X92	Xăng không chì A92	lít	261.00	3,713,981	352,018	
Tổng cộng			205,392.00	406,741,769	2,169,144,574	

- Số này có 1 trang, đánh số từ trang số 1 đến trang 1

- Ngày mở sổ

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Tổng hợp xuất kho

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN
 Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,
 Hải Phòng

TỔNG HỢP XUẤT KHO

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Mặt hàng			Số lượng	Nguyên vật liệu	Chi phí chung	Giá vốn	CPB H	CPQ L	Chi phí khác
Mã	Tên	Đvt							
VT-D02	Dầu Diezen 0.05%	lít	157,583	2,350,525,020					
VT-D09	Energol các loại	lít	209		12,314,280				
VT-D18	PLC Komat SHD 50 LIT(200)	lít	542		28,233,994				
VT-GRE	Grease	H0.8	180		14,940,000				
VT-X92	Xăng không chì A92	lít	2,111		45,439,980				
Tổng cộng			160,625	2,350,525,020	100,928,254				

- Số này có 1 trang, đánh từ trang 1 đến trang 1

- Ngày mở sổ

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm.....
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 152**CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN**

Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Tài khoản: 152 - Nguyên liệu, vật liệu

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đ/U'	Phát sinh	
	Ngày,tháng	Số hiệu			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		1,220,223,317	
01/11/2016	01/11/2016	PXK-11/026	Xuất kho Komat phục vụ cầu	627		940,014
01/11/2016	01/11/2016	PXK-11/027	Xuất kho xăng A92 cho xe Huyndai 16M-5157	642		2,692,650
...
30/11/2016	30/11/2016	PC-11/016	Nhập kho KOMAT	111	940,000	
30/11/2016	30/11/2016	PC-11/017	Nhập kho DO	111	1,842,273	
30/11/2016	30/11/2016	PC-11/018	Nhập kho DO	111	15,303,145	
30/11/2016	30/11/2016	PC-11/019	Nhập kho Xăng RON 92	111	2,828,545	
			Cộng phát sinh trong kỳ		2,575,886,343	2,451,453,274
			Số dư cuối kỳ		1,344,656,387	

- Sổ này có 16 trang, đánh từ trang 1 đến trang 16

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Sổ chi tiết tài khoản 627

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN
 Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S38-DN
 (Ban hành theo T.tr số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Tài khoản: 627 - Chi phí sản xuất chung

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Phát sinh		Dư cuối	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Số dư đầu kỳ					
01/01/2016	PXK-11/001	01/01/2016	Xuất kho Komat phục vụ cầu	152	2,819,988		2,819,988	
...
01/11/2016	PXK-11/026	01/11/2016	Xuất kho Komat phục vụ cầu	152	940,014		432,386,233	
25/11/2016	PKT-11/015	25/11/2016	Phí thuê mặt bằng	331	21,818,182		454,204,415	
...
31/12/2016	PKT-12/003	31/12/2016	Kết chuyển chi phí sản xuất	154		566,962,593		
			Cộng phát sinh trong kỳ		566,962,593	566,962,593		
			Số dư cuối kỳ					

- Sổ này có 2 trang, đánh từ trang 1 đến trang 2

Người lập biểu
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 154

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Mẫu số: S03b-DN

Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cù, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Tài khoản: 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đ/Ư	Phát sinh		Ghi chú
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
			Số dư đầu kỳ			0	
31/10/2016	31/10/2016	PKT-10/022	Kết chuyển giá vốn tháng 10/2016	6321		668,390,775	
30/11/2016	30/11/2016	CTPB-16-011	Phân bổ khấu hao tài sản, công cụ tháng 11	2141	89,093,513		
30/11/2016	30/11/2016	CTPB-16-011	Phân bổ khấu hao tài sản, công cụ tháng 11	2142	108,946,070		
30/11/2016	30/11/2016	CTPB-16-011	Phân bổ khấu hao tài sản, công cụ tháng 11	2421	112,918,830		
30/11/2016	30/11/2016	PKT-11/023	Cước nâng hạ	331	761,627,891		
30/11/2016	30/11/2016	PKT-11/024	Cước nâng hạ	331	1,108,966,152		
30/11/2016	30/11/2016	PKT-11/025	Cước nâng hạ	331	965,951,098		
30/11/2016	30/11/2016	PKT-11/030	Kết chuyển giá vốn tháng 11/2016	6321		3,362,966,938	
			Cộng phát sinh trong kỳ		22,428,517,265	22,428,517,265	
			Số dư cuối kỳ			0	

- Sổ này có 2 trang, đánh từ trang 1 đến trang 2

Ngày..... tháng..... năm

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.12: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
01/11/2016	01/11/2016	PXK-11/026	Xuất kho Komat phục vụ cầu			
			Chi phí nguyên, vật liệu	627	940,014	
			Vật liệu phụ	152		940,014
01/11/2016	01/11/2016	PXK-11/027	Xuất kho xăng A92 cho xe Hyundai 16M-5157			
			Chi phí khấu hao TSCĐ	642	2,692,650	
			Vật liệu phụ	152		2,692,650
...
			Tổng cộng		195.859.517.538	195.859.517.538

- Sổ này có 126 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 126

- Ngày mở sổ

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Bảng tính giá thành

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Tháng 11/2016

Ngày tháng HD	Số HD	Tên khách hàng	Diễn giải	Khối lượng thực tế	Tổng doanh thu			Phân bổ 622 - Chi phí lương	Phân bổ chi phí sản xuất chung			Tổng giá thành		Lợi nhuận gộp
					Doanh thu cầu - bóc xếp	Doanh thu cầu bến - dịch vụ trông kho bãi	Tổng cộng	Chi phí lương bảo vệ	Chi phí thuê ngoài làm hoàn thiện	Tổng CP chưa bao gồm CP chung khác	Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	Tổng cộng	Ghi nhận vào 632	
2	4	5	6	7	8	10	13	18	19	22	23	24	25	
29/11/2016	0001548	Công ty CP SX và TM PP	Cước bóc xếp	12.322	1.232.184.613	-	1.232.184.613		1.108.966.152	1.108.966.152	79.524.958	1.188.491.109	1.188.491.109	43.693.504
29/11/2016	0001549	Công ty CP vận tải và thương mại Hà Phương	Phí cầu bến + bắt dây	-	-	7.831.290	7.831.290	1.526.649	-	1.526.649	109.477	1.636.126	1.636.126	6.195.164
Tổng tháng 11				41.650	3.494.084.954	62.905.835	3.556.990.789	12.263.000	2.836.545.140	3.137.942.282	225.024.656	3.362.966.938	3.362.966.938	194.023.851

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các khoản sau:

- Chi phí nhân viên quản lý doanh nghiệp: gồm các khoản tiền lương và các khoản phụ cấp, ăn giữa ca phải trả cho lãnh đạo, cán bộ nhân viên các phòng ban và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.

- Chi phí vật liệu phục vụ cho quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ chung cho toàn doanh nghiệp như nhà văn phòng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, thiết bị văn phòng....

- Thuế, phí, lệ phí như thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản phí khác

- Chi phí dự phòng như dự phòng phải thu khó đòi

- Chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp như: chi phí điện, nước, điện thoại, fax, chi phí sửa chữa tài sản cố định, tiền thuê nhà làm văn phòng ... Chi phí khác bằng tiền đã chi ra để phục vụ cho hoạt động quản lý doanh nghiệp như: chi phí tiếp khách cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí tổ chức hội nghị, hội họp, công tác phí, chi phí kiểm toán...

➤ **Tài khoản sử dụng**

Công ty sử dụng tài khoản 642 để hạch toán chi phí quản lý kinh doanh. Trong đó sử dụng hai tài khoản chi tiết của TK 642 là:

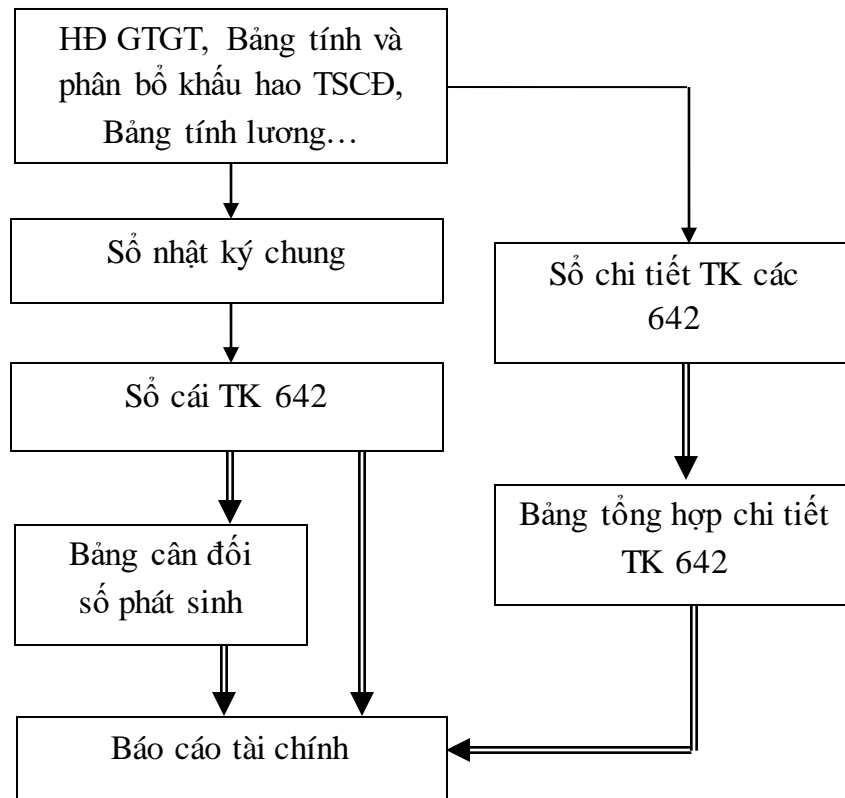
- TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426 – Chi phí dự phòng
- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Bảng lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Hoá đơn GTGT

- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan
- **Sổ sách sử dụng**
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh



Ghi chú:

- > : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi định kỳ (cuối kỳ, cuối tháng)
- ←-----> : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Hàng tháng kế toán căn cứ vào bảng thanh toán lương, bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, giấy báo nợ của ngân hàng... để tập hợp chi phí thực tế phát sinh sau đó kế toán ghi vào sổ nhật ký chung rồi vào sổ cái TK 642.

Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái chuyển số liệu vào bảng cân đối số phát sinh. Từ sổ chi tiết TK 6421, TK 6422 kết toán vào bảng tổng hợp chi tiết TK 642. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Trong tháng khi phát sinh chi phí quản lý kinh doanh kế toán căn cứ vào các hóa đơn chứng từ liên quan để hạch toán.

Nợ TK 642:
 Nợ TK 133 (nếu có):
 Có TK 111, 112, 334, 214...

Ví dụ 2.4: Ngày 05/11/2016 thanh toán cước viễn thông cho Trung tâm kinh doanh VNPT - Hải Phòng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 374.346
 Nợ TK 133: 37.435
 Có TK 111: 411.781

Biểu đồ số 2.13: Hóa đơn viễn thông số 0010169

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
 TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
 Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế: 0106869738 - 056
 Mã số (GTGT): 001
 Ký hiệu (Serial No): AA/16P
 Số (No): 0010169

Trung tâm Kinh doanh VNPT - Hải Phòng, Chi nhánh Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông
 Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tên khách hàng (Customer's name): Cty TNHH Tuấn Loan
 Địa chỉ (Address): Tổ 11 Đường 5/1 - Quỳnh Cư - Hùng Vương - Hồng Bàng
 Số điện thoại (Tel): 3534685 Mã số (code): HPG-01-302401(T1)QT02-99-0142

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TMCK MST: 0200812993

STT(No)	DỊCH VỤ (KIND OF SERVICE)	DVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	Kỳ cước tháng 102015				374.346
	a. Cước dịch vụ Viễn thông				0
	b. Cước dịch vụ Viễn thông không thuế				0
	c. Chết khẩu + đa địa chỉ				0
	d. Khuyến mãi				0
	e. Trượt cước + Trích hưởng + Nợ cũ				0
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					374.346
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% x (a) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					37.435
(1+2-e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					411.781

Số tiền viết bằng chữ (in word): Bốn trăm mười một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng

Ngày... 05 tháng... 11 năm 2016.

Người nộp tiền ký (Signature of payee)
 Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff)

Biểu số 2.14: Phiếu chi số 003 (Ví dụ 2.4)

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN
Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng
Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: 02- TT
(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

PHIẾU CHI

Ngày 05 tháng 11 năm 2016

Quyển số:

Số: PC -11/003

Nợ TK 642: 374.346

Nợ TK 133: 37.435

Có TK 111: 411.781

Người nhận tiền: Trung tâm kinh doanh VNPT - Hải Phòng

Địa chỉ: Số 4 đường Lạch Tray, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng

Lý do chi: Cước viễn thông

Số tiền: 411.781 (viết bằng chữ) *Bốn trăm mười một nghìn bảy trăm tám mươi một đồng./.*

Kèm theo: Chứng từ gốc:

Ngày 05 tháng 11 năm 2016

Giám đốc (Đã ký tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Đã ký)	Thủ quỹ (Đã ký)	Người lập phiếu (Đã ký)	Người nhận tiền (Đã ký)
--	----------------------------------	---------------------------	-----------------------------------	-----------------------------------

Biểu số 2.15: Sổ cái 642

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Tài khoản: 642

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đ/U	Phát sinh		Ghi chú
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
			Số dư đầu kỳ				
...
02/11/2016	02/11/2016	BN-16/271	Thu phí chuyển tiền	112	62.145		
05/11/2016	05/11/2016	PC-11/003	Cước viễn thông	111	374.346		
...
31/12/2016	31/12/2016	PKT 011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		213.508.911	
			Cộng phát sinh trong kỳ		922.719.125	922.719.125	
			Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có 5 trang, đánh từ trang 1 đến trang 5

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16: Sổ nhật ký chung

CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
05/11/2016	05/11/2016	PC-11/003	Cước viễn thông			
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	6427	374,346	
			Thuế VAT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	37,435	
			Tiền mặt	1111		411,781
...
31/12/2016	31/12/2016	PXD-16/474	Xuất dầu cho xe cầu theo KATO-250 theo PDN-2016-249			
			Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	621	1.153.950	
			Nguyên liệu chính	1521		1.153.950
...
			Tổng cộng		195.859.517.538	195.859.517.538

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán hoạt động tài chính

2.2.4.1 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu về tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Tại công ty TNHH Tuấn Loan thì doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

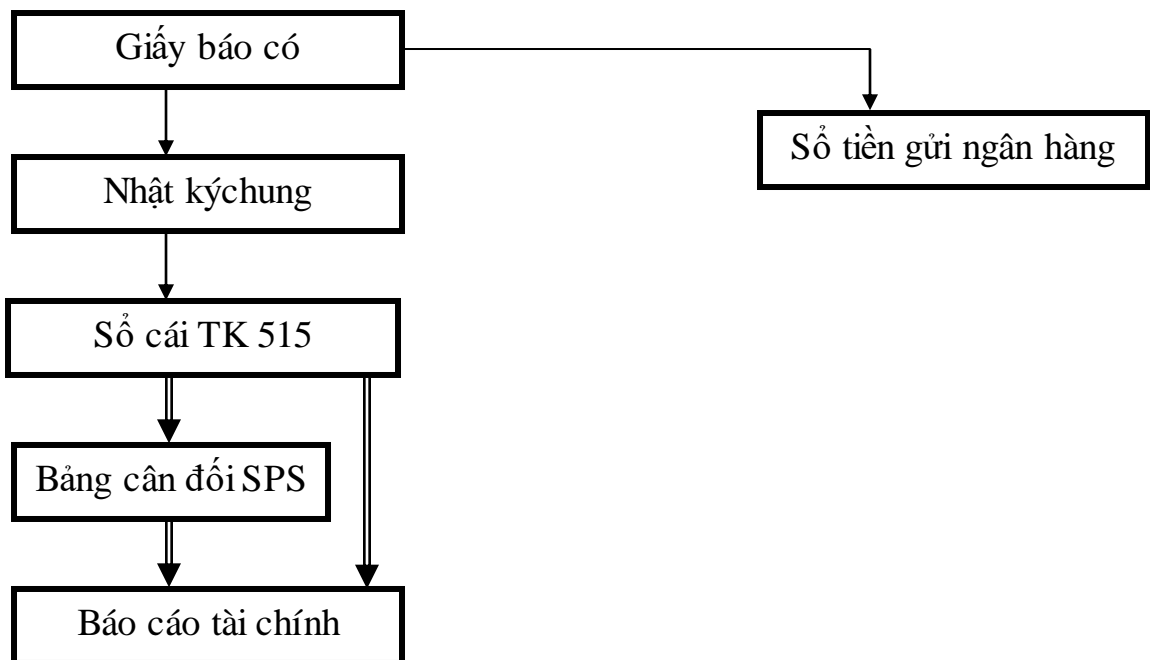
➤ **Tài khoản sử dụng**

Kế toán sử dụng tài khoản 515 để hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo có
- Sổ phụ của ngân hàng

Sơ đồ 2.7: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Tuấn Loan



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: \longrightarrow
- Ghi theo tháng: \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Hàng ngày căn cứ vào Giấy báo có và Sổ phụ của ngân hàng đã được kiểm tra kế toán làm căn cứ ghi Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515.

- Định kỳ cuối mỗi tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên Sổ cái chuyển số liệu vào Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra số liệu ghi trên Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.5: Ngày 25/11/2015: Lãi tiền gửi ngân hàng ACB số TK 159959069

Căn cứ vào Giấy báo có Ngân hàng ACB, kế toán ghi Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung vào Sổ cái TK 515.

Biểu số 2.17: Giấy báo có

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU ACB	
GIẤY BÁO CÓ	
Ngày 25 tháng 11 năm 2016	
Kính gửi : CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN	
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:	
Số tài khoản ghi CÓ :	159959069
Số tiền bằng số :	4.301
Số tiền bằng chữ :	Bốn nghìn ba trăm linh một đồng lẻ VNĐ
Nội dung :	## LÃI NHẬP GÔC##
Phê duyệt	

(Nguồn: trích số liệu phòng kế toán Công ty TNHH Tuấn Loan)

Biểu số 2.18: Trích sổ nhật ký chung năm 2016**Đơn vị:** Cty TNHH Tuấn Loan**Mẫu số:** S03a-DNN**Địa chỉ:** Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường*(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC ngày*

Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
01/01/2016	01/01/2016	PC-01/001	Trả lại tiền thừa cho khách hàng			
			Phải thu của khách hàng	131	6.864.000	
			Tiền mặt	111		6.864.000
...
25/11/2016	25/11/2016	BC-16/113	Nhận giải ngân vay thấu chi 198165809			
			Tiền gửi ngân hàng ACB - Số TK 159959069	1125	97.859.513	
			Thu lãi tiền gửi	515		4.301
			Tiền gửi ngân hàng BIDV	1126	682	
			Thu lãi tiền gửi	515		682
...
			Tổng cộng		195.859.517.538	195.859.517.538

- Sổ này có 126 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 126

Người lập biểu
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Trích sổ cái TK 515 năm 2016

Đơn vị: Cty TNHH Tuấn Loan

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương,

(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC ngày

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đ/U	Phát sinh		Ghi chú
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	F
			Số dư đầu kỳ				
...
25/11/2016	25/11/2016	BC-16-113	Lãi tiền gửi ngân hàng	1125		4.301	
25/11/2016	25/11/2016	BC-16-113	Lãi tiền gửi ngân hàng	1126		682	
...
31/12/2016	31/12/2016	008	Kết chuyển thu nhập từ hoạt động tài chính	9112	387.910		
			Cộng phát sinh trong kỳ		387.910	387.910	
			Số dư cuối kỳ				

- Sổ này có 2 trang, đánh từ trang 1 đến trang 2

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng..... năm
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Chi phí hoạt động tài chính

Công ty xác định chi phí hoạt động tài chính là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư trong doanh nghiệp bao gồm chi phí liên quan đến lãi vay phải trả cho ngân hàng.

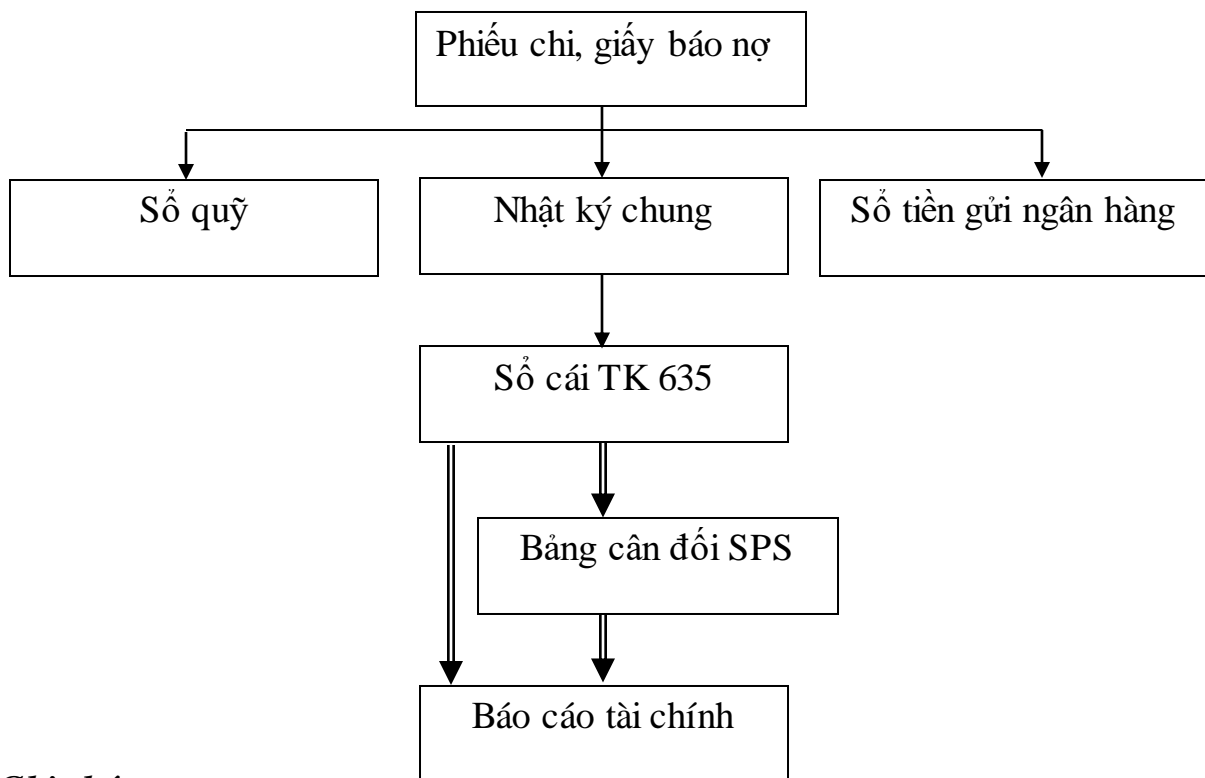
➤ **Tài khoản sử dụng**

Kế toán sử dụng tài khoản 635 để hạch toán chi phí hoạt động tài chính

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Giấy báo nợ của ngân hàng, Sổ phụ ngân hàng
- Phiếu chi

Sơ đồ 2.8: Quy trình luân chuyển chi phí tài chính tại Công ty TNHH Tuấn Loan



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi theo tháng: = = = = = →
- Đối chiếu, kiểm tra: ← - - - - - →

Hàng ngày kế toán căn cứ vào phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng để tập hợp chi phí thực tế phát sinh kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 635.

Định kỳ cuối tháng (quý, năm) căn cứ vào Sổ cái TK 635 kế toán vào Bảng cân đối số phát sinh, kế toán kiểm tra lại số liệu sau đó vào Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.6: Ngày 18/11/2016 công ty trả nợ tài khoản vay cho ngân hàng ACB TK vay (186341019).

Căn cứ vào Giấy báo nợ ngân hàng ACB, kế toán ghi Sổ nhật ký chung, từ Sổ nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 635.

Biểu số 2.20: Giấy báo nợ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI Á CHÂU ACB		MÃ GDV:
		Mã KH
		Số GD :
GIẤY BÁO NỢ		
Ngày 18 tháng 11 năm 2016		
Kính gửi : CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN		
Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:		
Số tài khoản ghi CÓ :	186341019	
Số tiền bằng số :	2.324.992	
Số tiền bằng chữ :	Hai triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi hai đồng./.	
Nội dung :	## TRẢ NỢ VAY##	
Phê duyệt		

(Nguồn: trích số liệu phòng kế toán Công ty TNHH Tuấn Loan)

Biểu số 2.21: Trích sổ nhật ký chung năm 2016**Đơn vị:** Cty TNHH Tuấn Loan**Địa chỉ:** Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Mẫu số:** S03a-DNN

(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
18/11/2016	18/11/2016	BN-16/285	Trả nợ TK vay (186330519)			
			Lãi tiền vay	635	5.063.333	
			Tiền gửi ngân hàng ACB - Số TK 159959069	1125		5.063.333
18/11/2016	18/11/2016	BN-16/286	Trả nợ TK vay (186391579)			
			Lãi tiền vay	635	10.462.492	
			Tiền gửi ngân hàng ACB - Số TK 159959069	1125		10.462.492
18/11/2016	18/11/2016	BN-16/287	Trả nợ TK vay (186341019)			
			Lãi tiền vay	635	2.324.992	
			Tiền gửi ngân hàng ACB - Số TK 159959069	1125		2.324.992
...
			Tổng cộng		195.859.517.538	195.859.517.538

- Sổ này có 126 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 126

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK 635 năm 2016

Đơn vị: Cty TNHH Tuấn Loan

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng

(Ban hành theo T.tr số 200/2014/TT-BTC ngày

Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đ/U	Phát sinh	
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
18/11/2016	18/11/2016	BN-16/286	Trả nợ TK vay (186391579)	1125	10.462.492	
18/11/2016	18/11/2016	BN-16/287	Trả nợ TK vay (186341019)	1125	2.324.992	
31/12/2016	31/12/2016	PKT-009	Kết chuyển chi phí từ hoạt động tài chính	911		900.118.623
			Cộng phát sinh trong kỳ		900.118.623	900.118.623
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 3 trang, đánh từ trang 1 đến trang 3

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6 Kế toán hoạt động khác

Trong năm 2016, công ty TNHH Tuấn Loan không phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo này rất quan trọng không chỉ cho nhà quản lý mà còn cho đối tượng quan tâm khác: cục thuế, ngân hàng... Vì vậy, báo cáo phải được phản ánh một cách chính xác, kịp thời, toàn diện và khách quan.

Kết quả sản xuất kinh doanh được công ty xác định trong niên độ tài chính là một năm từ 01/01 đến 31/12 hàng năm theo quy định của Nhà nước và được thể hiện trên báo cáo tài chính năm

➤ **Tài khoản sử dụng**

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng các TK:

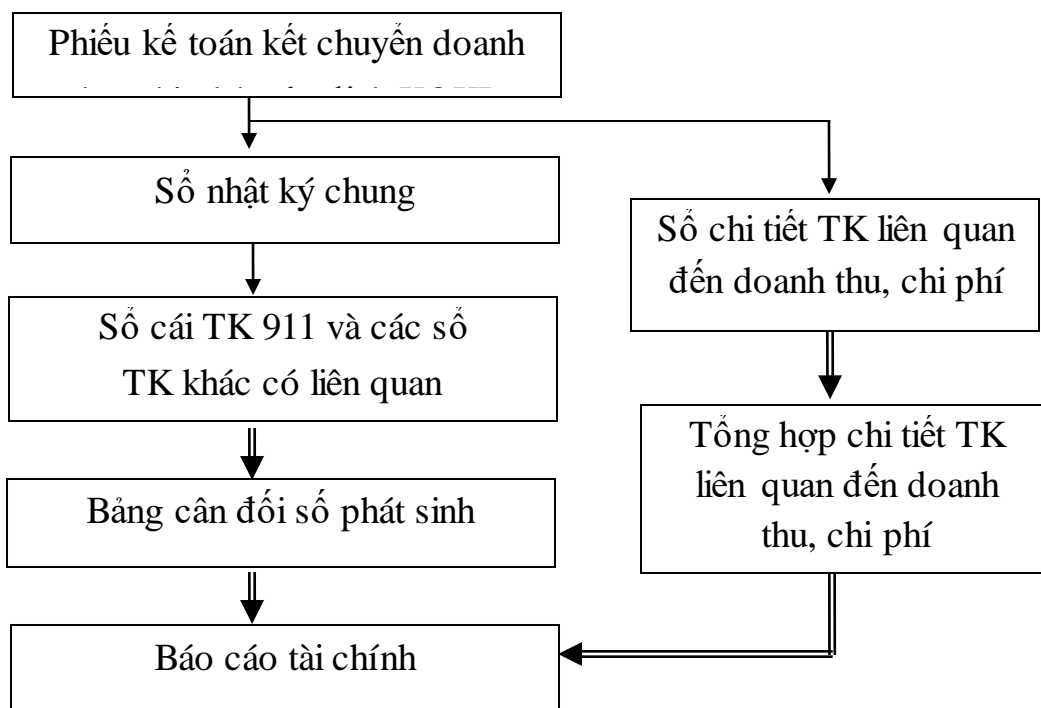
- TK91: Xác định kết quả kinh doanh
- TK42: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 511, TK 515, TK 632, TK635, TK6421, TK6422, ...

➤ **Chứng từ sử dụng**

Để xác định kết quả kinh doanh kế toán sử dụng phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

➤ **Quy trình luân chuyển chứng từ:** được thể hiện ở sơ đồ 2.9

Sơ đồ 2.9: Quy trình luân chuyển chứng từ doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH Tuấn Loan



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày: →
- Ghi theo tháng: ==>
- Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Cuối mỗi quý, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển các tài khoản liên quan trên phiếu kế toán. Căn cứ vào các phiếu kế toán để lập sổ chi tiết xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Cuối năm, kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 2.7: Ngày 31/12/2016, kế toán tổng hợp thực hiện các bút toán kết chuyển ở phiếu kế toán sau đó vào sổ nhật ký chung, và sổ cái TK 911.

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán kết chuyển doanh thu năm 2016Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN**Đ/C: **Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu: 007

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	14.708.979.519
Tổng			14.708.979.519

Bằng chữ: Mười bốn tỷ bảy trăm linh tám triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi tám đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: trích số liệu phòng kế toán Công ty TNHH Tuấn Loan)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu: 008

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển thu nhập từ hoạt động tài chính	515	911	387.910
Tổng			387.910

Bằng chữ: Ba trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm mười đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: trích số liệu phòng kế toán Công ty TNHH Tuấn Loan)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Phiếu kế toán kết chuyển giá vốn năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Đ/c: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu: 009

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	635	900.118.623
Tổng			900.118.623

Bằng chữ: Chín trăm triệu một trăm mười tám nghìn sáu trăm hai mươi ba đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán kết chuyển giá vốn năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Đ/c: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu: 010

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	13.666.768.439
Tổng			13.666.768.439

Bằng chữ: Mười ba tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi chín đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn: trích số liệu phòng kế toán Công ty TNHH Tuấn Loan)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán kết chuyển giá vốn, chi phí năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Đ/c: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu: 011

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Kết chuyển chi phí quản lý DN	911	642	922.719.125
Tổng			922.719.125

Bằng chữ: Chín trăm hai mươi hai triệu bảy trăm mười chín nghìn một trăm hai mươi lăm đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn: trích số liệu phòng kế toán Công ty TNHH Tuấn Loan)

Biểu số 2.28: Phiếu kế toán kết chuyển lãi- lỗ năm 2016

Đơn vị: CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

Đ/c: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số hiệu: 012

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421	911	780.238.758
Tổng			780.238.758

Bằng chữ: Bảy trăm tám mươi triệu hai trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi tám đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn: trích số liệu phòng kế toán Công ty TNHH Tuấn Loan)

Biểu số 2.31: Trích sổ nhật ký chung năm 2016

Đơn vị: Cty TNHH Tuấn Loan

Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số: S03a-DNN

(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
	Ngày	Số			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
...
31/12/2016	31/12/2016	007	Kết chuyển doanh thu cuối kỳ			
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	511	14.708.979.519	
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	911		14.708.979.519
31/12/2016	31/12/2016	008	Kết chuyển thu nhập từ hoạt động tài chính			
			Thu lãi tiền gửi	515	387.910	
			Kết quả hoạt động tài chính	911		387.910
31/12/2016	31/12/2016	009	Kết chuyển chi phí từ hoạt động tài chính			
			Kết quả hoạt động tài chính	911	900.118.623	
			Lãi tiền vay	635		900.118.623
31/12/2016	31/12/2016	010	Kết chuyển giá vốn hàng bán			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	911	13.666.768.439	
			Giá vốn hàng bán của hàng hoá	632		13.666.768.439
31/12/2016	31/12/2016	011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	911	922.719.125	
			Chi phí quản lý doanh nghiệp	642		922.719.125
31/12/2016	31/12/2016	012	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ			
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421	899.730.713	
			Kết quả hoạt động tài chính	911		899.730.713
			Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	911	119.491.956	
			Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421		119.491.956
...
			Tổng cộng		195.859.517.538	195.859.517.538

- Sổ này có 126 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang 126

- Ngày mở sổ.....

Ngày 31 tháng 12 năm .2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số.32: Trích sổ cái TK 911 năm 2016

Đơn vị: Cty TNHH Tuấn Loan

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng,
Hải Phòng

(Ban hành theo T.tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đ/U	Phát sinh	
	Ngày,tháng	Số hiệu			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
31/12/2016	31/12/2016	007	Kết chuyển doanh thu cuối kỳ	511		14.708.979.519
31/12/2016	31/12/2016	008	Kết chuyển thu nhập từ hoạt động tài chính	515		387.910
31/12/2016	31/12/2016	009	Kết chuyển chi phí từ hoạt động tài chính	635	900.118.623	
31/12/2016	31/12/2016	010	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	13.666.768.439	
31/12/2016	31/12/2016	011	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	922.719.125	
31/12/2016	31/12/2016	012	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ	421		780.238.758
			Cộng phát sinh trong kỳ		15.489.606.187	15.489.606.187
			Số dư cuối kỳ			

- Sổ này có 1 trang, đánh từ trang 1 đến trang 1

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.34: Trích sổ cái TK 421 năm 2016

Đơn vị: Cty TNHH Tuấn Loan

Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

(Ban hành theo T.tr số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Tài khoản: 421 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK Đ/U	Phát sinh	
	Ngày, tháng	Số hiệu			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		1.218.289.155	
31/12/2016	31/12/2016	014	Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ	911	780.238.758	
			Cộng phát sinh trong kỳ		780.238.758	
			Số dư cuối kỳ		1.998.527.913	

- Sổ này có 1 trang, đánh từ trang 1 đến trang 1

- Ngày mở sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2016**

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
	1	2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		14.708.979.519	18.288.427.419
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		14.708.979.519	18.288.427.419
4	Giá vốn hàng bán	11		13.66.768.439	15.737.862.060
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.042.211.080	2.550.565.359
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		387.910	1.079.287
7	Chi phí tài chính	22		900.118.623	1.073.520.378
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		900.118.623	1.073.520.378
8	Chi phí bán hàng	25		0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		922.719.125	1.104.501.170
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25+26)}	30		(780.238.758)	373.623.098
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	0
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(780.238.758)	373.623.098
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		0	74.724.620
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(780.238.758)	298.898.478
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Lập ngày 05 tháng 03 năm 2017

CHƯƠNG 3:

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TUẤN LOAN

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

Trải qua hơn 9 năm xây dựng và trưởng thành công ty Tuấn Loan đã, đang trở thành một công ty đi đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bốc xếp dỡ, cho thuê cầu cảng uy tín nhất hiện nay.

Là một Công ty hoạt động theo luật doanh nghiệp của nhà nước, công ty đã áp dụng hình thức kế toán tập trung tức là toàn công ty chỉ có một phòng kế toán hạch toán chung, thống kê, theo dõi, giao dịch và làm việc trực tiếp ở phòng kế toán công ty dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng và ban giám đốc công ty. Về hình thức kế toán hiện nay công ty áp dụng hình thức nhật ký chung rất phù hợp với tình hình thực tế của công ty. Do vậy mà kế toán có thể quản lý các chứng từ ghi sổ và kiểm tra đối chiếu với tổng số tiền mà kế toán đã ghi trên các tài khoản được chính xác, kịp thời sửa chữa sai sót.

Bộ máy kế toán gọn nhẹ với việc phân công lao động cụ thể trách nhiệm, cụ thể cho từng cán bộ kế toán. Mọi phần hành kế toán được thực hiện đều có người theo dõi, kiểm tra, thực hiện đầy đủ đúng nội quy. Kế toán trưởng là người có quyền cao nhất và chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc Công ty. Hình thức tổ chức phòng kế toán phù hợp với quy mô tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty.

3.1.1 Ưu điểm:

- Hệ thống sổ sách

Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung làm sổ liệu đảm bảo chính xác, rõ ràng về tình hình kinh tế tài chính. Đồng thời giúp sổ liệu Công ty rõ ràng, dễ hiểu, mẫu sổ đơn giản, thuận tiện tính toán.

Hiện tại các chứng từ được sử dụng trong doanh nghiệp tương đối đầy đủ, đa dạng, doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ Tài Chính ban hành tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ngoài ra, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tiễn tại doanh nghiệp, doanh nghiệp đã tự thiết kế các mẫu chứng từ kế toán vừa đơn giản, thuận tiện nhưng vẫn có đầy đủ các yêu cầu về các tiêu chí bắt buộc của một chứng từ kế toán như theo quy định của Nhà nước.

- Về việc lập các báo cáo kế toán

Báo cáo kế toán là phương tiện giúp cung cấp thông tin tài chính, kết quả kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp cho người sử dụng. Người sử dụng thông tin kế toán của doanh nghiệp được chia thành hai nhóm là nhóm những người sử dụng thông tin ngoài doanh nghiệp và nhóm những người sử dụng thông tin trong doanh nghiệp, do vậy các báo cáo kế toán cũng gồm hai loại là báo cáo kế toán tài chính và báo cáo nội bộ.

- Về báo cáo kế toán tài chính, Doanh nghiệp đã lập đầy đủ, theo đúng thời gian như quy định của Nhà nước về lập báo cáo tài chính như:

- + Bảng cân đối kế toán
- + Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- + Thuyết minh báo cáo tài chính

Về báo cáo nội bộ, phòng kế toán đã cung cấp các thông tin tài chính, các báo cáo về tình hình tài chính một cách nhanh chóng, kịp thời và chính xác cho các bộ phận sử dụng thông tin trong Công ty khi có yêu cầu, đáp ứng được nhu cầu ra quyết định của ban lãnh đạo Công ty, từ đó tạo điều kiện để cho Công ty không ngừng phát triển.

- Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách khoa học phù với yêu cầu của công việc và công việc của từng người. Phản ánh chính xác, đầy đủ và minh bạch tình hình sử dụng vốn, vật tư, doanh thu, lãi, lao động....

- Về phân công nhiệm vụ kế toán

- Việc phân công nhiệm vụ giữa các kế toán rõ ràng nên tránh được sự chồng chéo trong công việc. Trong phòng đã có sự quy định rõ ràng về quyền lợi và nhiệm vụ của từng kế toán viên, tất cả chịu sự phân công, kiểm tra, giám sát của Kế toán trưởng. Mỗi kế toán viên được phân công chịu trách nhiệm về một hoặc một số phần hành kế toán, nhờ đó vừa nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc của mỗi cá nhân, vừa giảm bớt áp lực cho họ. Đội ngũ nhân viên nhiệt tình, giàu kinh nghiệm. Do đó, bộ máy kế toán Công ty hay dưới các phân xưởng khi có nhiều đơn đặt hàng trong một tháng vẫn có thể giải quyết kịp thời, hạch toán chính xác.

- Công ty đang trang bị đầy đủ hệ thống máy vi tính để đảm bảo đưa phần mềm kế toán thông dụng và công tác quản trị.

3.1.2 Nhược điểm:

- Số lượng nhân viên kế toán

Số lượng nhân viên kế toán còn hạn chế nên mỗi người phải làm nhiều phần việc khác nhau đòi hỏi kế toán viên phải có trình độ vững vàng và tinh thần trách

nhiệm cao trong công việc. Về công tác tập hợp chứng từ: các chứng từ thường được tập hợp vào cuối tháng điều này phần nào khiến các nhân viên phòng TCKT phải chịu áp lực lớn vào các ngày cuối tháng và rất dễ bị nhầm lẫn, sai sót trong công việc.

- Về ứng dụng phần mềm kế toán

Công ty chưa áp dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nên kế toán phải làm trên excel. Do khối lượng công việc hàng ngày phát sinh nhiều gây khó khăn trong công tác kế toán, đôi khi công việc bị chậm và gây áp lực công việc cho kế toán. Vì vậy công ty nên đầu tư phần mềm kế toán phù hợp với tính chất công việc của doanh nghiệp, để tăng hiệu quả của công tác kế toán.

- Về công tác theo dõi chi tiết doanh thu

Hiện nay công ty chưa theo dõi chi tiết từng loại doanh thu của dịch vụ cung cấp nên việc đánh giá hiệu quả trong kinh doanh với từng loại dịch vụ gặp khó khăn.

3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là hết sức quan trọng trong mỗi doanh nghiệp. Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp cạnh tranh hết sức gay gắt, do vậy mỗi doanh nghiệp cần nắm rõ được tình hình hoạt động của công ty mình để từ đó đề ra những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tình hình hoạt động của một doanh nghiệp có thể được đánh giá thông qua nhiều mặt, từ nhiều nguồn thông tin khác nhau. Tuy nhiên, thông tin mà phòng kế toán cung cấp là hết sức quan trọng, không thể bỏ qua, là một trong những yếu tố đưa ra những quyết định của nhà đầu tư, cũng như đối tác làm ăn.

Trên thực tế, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh chỉ dừng ở mức độ ghi chép, phản ánh thông tin kế toán mà chưa có những tác động tích cực, những biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp mình để giúp cho chủ doanh nghiệp có những biện pháp làm tăng doanh thu, giảm chi phí và

thu lợi nhuận cao cho doanh nghiệp, đồng thời đề ra những mục tiêu chiến lược phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh có một ý nghĩa rất quan trọng và cấp thiết tại mỗi doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Tuấn Loan nói riêng để phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay.

3.2.2 Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

- Nguyên tắc thống nhất:
 - + Đảm bảo sự thống nhất giữa các chỉ tiêu mà kế toán phản ánh
 - + Đảm bảo sự thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán, và phương pháp hạch toán
- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp
- Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về mọi mặt hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ kịp thời cho quá trình chỉ đạo kinh doanh
- Hoàn thiện dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, và các chuẩn mực kế toán của nhà nước, nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt.
- Hoàn thiện phải phù hợp đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm tạo hiệu quả kinh doanh trong thời gian tới.

3.2.3. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tuấn Loan

3.2.3.1 Ứng dụng phần mềm kế toán trong tổ chức tại công ty

Trên thực tế đã có rất nhiều doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán để đưa vào công tác hạch toán kế toán. Với cách ứng dụng khoa học công nghệ này sẽ giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng.

Công ty có thể đi mua phần mềm của nhà cung cấp phần mềm kế toán chuyên nghiệp và nổi tiếng trên thị trường như:

- **Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.**



MISA SME.NET giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần biết nhiều về tin học mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi phát sinh của mình. Doanh nghiệp có thể kiểm soát được dữ liệu trực tiếp tại bất cứ đâu, bất kỳ khi nào thông qua Internet.

Chi phí sử dụng: 6.950.000 đồng/gói.

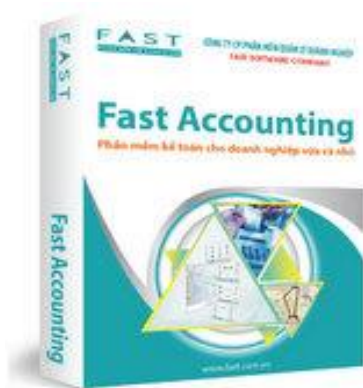
- Phần mềm kế toán SMART PRO



Smart Pro là công cụ, là chìa khóa thành công, là phần mềm hệ thống kế toán, phần mềm giải pháp về kinh doanh giúp cho doanh nghiệp xử lý thông tin kế toán tự động, gia tăng tốc độ quản lý, kiểm soát hệ thống tài chính hiệu quả và đưa ra quyết định kinh tế thành công nhất, tiết kiệm nhất.

Chi phí sử dụng 3.000.000 đồng/gói.

- Phần mềm kế toán FASTaccounting



Fast Accounting đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ; có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ... luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Chi phí sử dụng 7.900.000 đồng/gói.

3.2.3.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách - lập sổ chi tiết bán hàng

Hệ thống sổ sách – lập sổ chi tiết bán hàng

Hệ thống sổ kế toán tại mỗi công ty đều có vai trò rất quan trọng. Công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty chỉ thực sự có hiệu quả khi có một hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và quy trình kinh doanh tại công ty. Một hệ thống sổ kế toán hoàn thiện phải bao gồm hệ thống sổ tổng hợp và sổ chi tiết. Tuy nhiên, khi hạch toán kế toán, công ty chỉ mới ghi Sổ cái. Để hoàn thiện hơn hệ thống sổ kế toán tại Công ty TNHH Tuấn Loan, em nhận thấy công ty nên lập các Sổ chi tiết để tiện theo dõi cho các khoản chi phí, doanh thu, đồng thời cũng góp phần nắm được tình hình tiêu thụ của từng loại hàng hoá. Từ đó giúp cho ban lãnh đạo công ty có những giải pháp quản lý một cách chính xác hơn.

Đối với kế toán doanh thu, công ty nên lập các “Sổ chi tiết bán hàng” chi tiết theo từng loại hàng hoá. Việc theo dõi từng sản phẩm là việc rất cần thiết, giúp cho ban lãnh đạo công ty nắm bắt doanh thu của từng sản phẩm, từ đó phân tích, đánh giá hiệu quả kinh doanh của từng sản phẩm. Bên cạnh việc lập Sổ chi tiết bán hàng, công ty cũng cần lập Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng. Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành tổng hợp số liệu từ các Sổ chi tiết bán hàng lập Bảng tổng hợp

chi tiết doanh thu bán hàng. Sau đó, kế toán sẽ đối chiếu số liệu trên Bảng tổng hợp chi tiết bán hàng với Sổ cái TK511 xem số liệu có chính xác không. Việc lập các sổ này giúp cho công tác kế toán doanh thu được cụ thể, chi tiết theo từng loại mặt hàng và chặt chẽ hơn.

Đối với kế toán chi phí, công ty nên mở “Sổ chi tiết giá vốn” cho tài khoản 632 để theo dõi giá vốn theo từng sản phẩm.

Biểu 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Tuấn Loan
Địa chỉ: Tổ 11 Đ 5/1 đường Quỳnh Cư, Phường Hùng Vương,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S35-DN
 (Ban hành theo Thông tư số
 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bắt đầu sản đầu tư) Phí cầu bến + bắt dây
 Năm:
 Quyển số:

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521)
...
29/11/2016	HD 0001549	29/11/2016	Phí cầu bến tàu Hà Minh 189	131					
			- Phí cập mạn		61	15.990	975.300		
			- Phí cập cầu		205	31.980	6.555.900		
			Bắt dây		02	150.000	300.000		
...
		Cộng SPS					648.551.124		

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾT LUẬN

Chúng ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ mục tiêu con đường phát triển của mình. Công ty TNHH Tuấn Loan cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Thông qua hạch toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh người quản lý doanh nghiệp, và các đối tượng tìm hiểu về doanh nghiệp mới biết được doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hay không từ đó xác định được chiến lược mục tiêu cụ thể để phát triển kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể.

Khoá luận: “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Tuấn Loan” của em đã đề cập đến những vấn đề sau:

- Về lý luận: Khoá luận đã nêu được một số vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về thực tiễn: Khoá luận đã phản ánh đầy đủ thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, đồng thời sử dụng số liệu năm 2016 để chứng minh cho những lập luận đã nêu.

- Về kiến nghị: Nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh ở Công ty TNHH Tuấn Loan, từ thực tế nắm bắt được đối chiếu với những lý luận đã học và qua tìm hiểu nghiên cứu tài liệu, sách báo khoá luận đã nêu ra một số ý kiến về hoàn thiện công tác quản lý, sản xuất kinh doanh và hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói chung, hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh nói riêng.

Các kiến nghị đề xuất mới chỉ là bước đầu mang nặng tính lý luận song cũng là những vấn đề để Công ty TNHH Tuấn Loan tham khảo, và phần nào có thể thực hiện nếu thấy phù hợp với công ty mình.

Em xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc, các phòng ban và đặc biệt là các anh chị trong phòng kế toán của Công ty đã tạo điều kiện, giúp đỡ em rất nhiều trong giai đoạn thực tập tại công ty và hoàn thành đợt thực tập của mình.

Em cũng xin chân thành cảm ơn thạc sĩ Phạm Thị Kim Oanh đã tận tình chỉ bảo và hướng dẫn giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên, do thời gian có hạn và trình độ hiểu biết còn nhiều hạn chế, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, các anh chị kế toán của

Công ty cũng để báo cáo thực tập của em được hoàn thiện hơn. Điều đó sẽ giúp em rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho bản thân mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 27 tháng 12 năm 2017

Sinh viên

Nguyễn Thị Hồng Nhung

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Phạm Văn Công, 2011, Giáo trình Kế toán tài chính, NXB ĐH Kinh tế Quốc Dân
2. PGS.TS Nguyễn Ngọc Quân và ThS.Nguyễn Văn Điềm, 2012, Quản trị nhân lực, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
3. PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang, 2013, Giáo trình Kế toán quản trị, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
4. GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh, 2013, Giáo trình Kiểm toán hoạt động, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
5. GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh và PGS.TS Ngô Trí Tuệ, 2013, Giáo trình Kiểm toán tài chính, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
6. Chế độ kế toán doanh nghiệp:
Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán;
Quyển 2: Báo cáo kế toán, chứng từ và sổ kế toán
Ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC
7. Luận văn của các anh chị khóa trên.
8. Nhiều chứng từ, sổ sách, tài liệu do Công ty cung cấp.
9. webketoan.vn
10. danketoan.vn
11. luanvan.net
12. tailieu.vn